

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /UBND-NL₅

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

V/v tổng kết Chương trình
nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp và Môi trường

Thực hiện Quyết định 1083/QĐ-TTg ngày 6/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch tổng kết Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 2789/SNNMT-PTNTQLCL ngày 12/6/2025, ý kiến biểu quyết thống nhất của các Thành viên UBND tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường kết quả tổng kết Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh như sau:

1. Đối với việc tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình giai đoạn 2021-2025: Tỉnh Hà Tĩnh không tổ chức Hội nghị tổng kết Chương trình giai đoạn 2021-2025, mà thực hiện việc tổng kết thông qua xây dựng Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 (*lí do: trong thời gian qua, tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức các Hội nghị sơ/tổng kết Chương trình, đánh giá rõ kết quả thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025, như: Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025” vào ngày 26/11/2024; Hội nghị tổng kết công tác xây dựng NTM năm 2024, triển khai nhiệm vụ năm 2025 vào ngày 14/3/2025; Hội nghị tổng kết Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 vào ngày 29/5/2025; bên cạnh đó do yêu cầu về thời gian tổ chức Hội nghị quá gấp, trong khi cả hệ thống chính trị ở địa phương đang tập trung chuẩn bị cho việc sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp*).

2. Đối với Báo cáo tổng kết thực hiện Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp các sở, ngành, đơn vị liên quan xây dựng Báo cáo tổng kết Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (*có Báo cáo kèm theo*).

Kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Điều phối NTM Trung ương;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh VP, các PCVP UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lưu: VT, TH, NL₅.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hồng Lĩnh

BÁO CÁO

**Tổng kết Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025**
(ban hành kèm theo Văn bản số /UBND-NL₅ ngày / /2025
của UBND tỉnh Hà Tĩnh)

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2021-2025

I. BỐI CẢNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CỦA ĐỊA PHƯƠNG

1. Thuận lợi

- Đảng và Nhà nước tiếp tục dành sự quan tâm đặc biệt cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn với việc ưu tiên các nguồn lực, tạo điều kiện thuận lợi nhằm triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM;
- Hà Tĩnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 tạo điều kiện và cơ hội để tỉnh triển khai Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;
- Hà Tĩnh đứng trước cơ hội phát triển mới với các lợi thế, có tuyến đường cao tốc Bắc Nam, đường sắt Hà Tĩnh nối Lào, Đông Bắc Thái Lan được đầu tư xây dựng; động lực phát triển vùng Nam Hà Tĩnh - Bắc Quảng Bình, Bắc Hà Tĩnh - Nam Nghệ An ngày càng rõ nét.

2. Khó khăn

- Một số quy định chưa thực sự phù hợp với đặc thù của Chương trình; một số chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí còn chưa sát thực tiễn địa phương dẫn đến phải trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh; Chương trình giai đoạn 2021-2025 có nhiều điểm mới, khối lượng công việc lớn, yêu cầu tích hợp đa ngành, trong khi việc ban hành các văn bản pháp lý khung có độ trễ nhất định sau khi được Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư; các văn bản hướng dẫn thực hiện của một số Bộ, ngành ban hành chậm.
- Bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động, giá cả nguyên, nhiên liệu tăng cao cùng với đó là hậu quả sau đại dịch Covid-19 đang còn hiện hữu... đã ảnh hưởng đến các mặt của đời sống xã hội và ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình thực hiện Chương trình NTM.
- Biến đổi khí hậu và rủi ro thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, tài nguyên cho phát triển nông nghiệp, nông thôn ngày càng bị thu hẹp, đòi hỏi năng lực mới và cách tiếp cận mới trong sử dụng tài nguyên và quản lý rủi ro nông nghiệp, nông thôn, hướng đến phát triển nông nghiệp, nông thôn bền vững;

- Bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã, cấp huyện với nhiều chỉ tiêu, yêu cầu cao hơn giai đoạn trước, các xã cần nhu cầu nguồn lực lớn để nâng cấp, cấp nhập đảm bảo theo quy định mới.

- Việc huy động, bố trí cân đối các nguồn lực để xây dựng Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM gặp nhiều khó khăn, do Trung ương không phân bổ theo đề xuất như trong Đề án, ngân sách tỉnh khó khăn nên bố trí còn hạn chế.

II. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành của các cấp, các ngành trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

1.1 Đối với cấp tỉnh

Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh tiếp tục dành sự quan tâm cao trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình NTM; ban hành các cơ chế, chính sách, văn bản hướng dẫn và tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát.

- Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025; Kế hoạch số 42-KH/TU, ngày 06/9/2021 về tổ chức quán triệt học tập tuyên truyền Nghị quyết.

- HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các cơ chế, chính sách, kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025:

+ HĐND tỉnh ban hành 08 Nghị quyết: (1) cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM giai đoạn 2022-2025¹; (2) chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM²; (3) nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM³; (4) Quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025⁴. (5) Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM⁵. (6) Phân bổ kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh giai đoạn 2022-2025 thực hiện các chương trình MTQG⁶. (7) Quy chế về huy động, lồng ghép nguồn vốn và tỷ lệ số lượng dự án thực hiện theo cơ chế

¹ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16/12/2021

² Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2021

³ Nghị quyết số 75/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022

⁴ Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022, Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 19/12/2023

⁵ Nghị quyết số 78/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022

⁶ Nghị quyết số 84/2022/NQ-HĐND ngày 25/8/2022

đặc thù thực hiện các chương trình MTQG⁷. (8) Một số chính sách phát triển văn hóa, thể thao và du lịch⁸.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM⁹; Kế hoạch tổ chức phong trào thi đua thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025)¹⁰; Kế hoạch thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025¹¹; Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả tỉnh chung sức xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn NTM” giai đoạn 2021 – 2025¹²; ban hành kế hoạch, chương trình thực hiện 6 Chương trình chuyên đề trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh¹³.

+ Tất cả các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện Nghị quyết, Quyết định số 2114/QĐ-TTg, Quyết định số 3004/QĐ-UBND; chỉ đạo các địa phương rà soát cập nhật theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025; giao và chấp thuận tổ chức, đơn vị đỡ đầu, tài trợ các thôn, xã xây dựng NTM tại các xã, thôn chưa đạt chuẩn của huyện Hương Khê¹⁴.

+ Trên cơ sở các Bộ tiêu chí xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 do Thủ tướng Chính phủ ban hành, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, địa phương rà soát, cập nhật đảm bảo đạt chuẩn theo các Bộ tiêu chí xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 và đã ban hành đầy đủ kịp thời các Bộ tiêu chí thực hiện trên địa bàn tỉnh¹⁵; các sở, ngành kịp thời ban hành ban hành đầy đủ hướng dẫn để tổ chức thực hiện

+ UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành địa phương tập trung cao thực hiện mục tiêu xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 321/QĐ-TTg, ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ¹⁶.

+ Ban Chỉ đạo tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện các chương trình MTQG; xây dựng đô thị văn minh và Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025¹⁷.

⁷ Nghị quyết 94/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022

⁸ Nghị quyết 98/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022

⁹ Quyết định số 3004/KH-UBND ngày 25/8/2021

¹⁰ Kế hoạch số 177/KH-UBND ngày 25/5/2021

¹¹ Quyết định số 1754/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh

¹² Quyết định số 3851/QĐ-UBND ngày 24/11/2022 của UBND tỉnh

¹³ Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 4/4/2023; Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 01/6/2023; Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 18/01/2023 thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 – 2025; Kế hoạch 130/KH-UBND ngày 17/4/2023 về việc thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 – 2025; Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 8/5/2023 Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025

¹⁴ các Quyết định: số 834/QĐ-UBND ngày 22/4/2022 của UBND tỉnh về việc giao chấp thuận đỡ đầu, tài trợ xây dựng NTM tại 8 xã (Hương Lâm, Hương Liên, Hà Linh, Điền Mỹ, Hương Thủy, Hương Bình, Hòa Hải, Phúc Đồng) huyện Hương Khê; số 912/QĐ-UBND ngày 19/04/2023 về việc điều chỉnh tổ chức, đơn vị được giao và chấp thuận đỡ đầu, tài trợ các thôn, xã xây dựng NTM.

¹⁵ Văn bản số 1273/UBND-NL₅ ngày 23/3/2023, Văn bản số 6783/UBND-NL₅ ngày 30/11/2023.

¹⁶ Văn bản số 3648/UBND-NL₅ ngày 27/6/2024.

¹⁷ Kế hoạch số 42/KH-BCĐ ngày 21/7/2022.

+ Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức Hội nghị trực tuyến đánh giá giữa kỳ thực hiện Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM giai đoạn 2021-2025 (ngày 05/4/2023), tham dự có gần 7.500 đại biểu tại 209 điểm cầu. Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị sơ kết thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025 và ban hành kết luận.

- Ủy ban MTTQ và các tổ chức đoàn thể cấp tỉnh chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh", gắn với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình NTM được quan tâm; Ban Thường vụ Tỉnh ủy thành lập Đoàn giám sát đối với một số huyện và sở ngành trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”. Hội đồng nhân dân tỉnh thành lập Đoàn giám sát chuyên đề “Thực trạng, hiệu quả và tính bền vững của khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu và cơ chế hỗ trợ xi măng trên địa bàn tỉnh”. Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh tổ chức 16 cuộc kiểm tra và làm việc về xây dựng NTM và tháo gỡ khó khăn tại các huyện - Ban Chỉ đạo tỉnh, UBND tỉnh thường xuyên chỉ đạo các sở, ngành tăng cường công tác kiểm tra, chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí ngành phụ trách; tổ chức thăm tra, thẩm định đối với 10 xã đạt chuẩn NTM, 46 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 15 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 5 huyện đạt chuẩn NTM. Chỉ đạo các địa phương thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các xã nâng cấp, cập nhật các chỉ tiêu, tiêu chí đảm bảo đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

1.2 Đối với cấp huyện, xã: Đã quan tâm tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chương trình NTM, đã thành lập, kiện toàn bộ máy chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện Chương trình NTM theo hướng dẫn của tỉnh, hoạt động khá hiệu quả; ban hành cơ chế, chính sách và tổ chức thực hiện có hiệu quả các cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về nông thôn mới; xây dựng Kế hoạch và phân công, phân nhiệm cho tổ chức, cá nhân thực hiện các nội dung, mục tiêu chương trình NTM ở cấp mình đảm bảo đạt kế hoạch đề ra.

2. Việc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình

a) Kết quả ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách và quy định của Trung ương theo phân cấp:

Căn cứ các quy định của Trung ương, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở ngành liên quan ban hành cơ bản đầy đủ các văn bản hướng dẫn, thực hiện Chương trình NTM trên địa bàn tỉnh.

b) Kết quả ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù phù hợp với điều kiện thực tế và đặc thù của địa phương nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thực hiện Chương trình:

UBND tỉnh đã trình HĐND tỉnh ban hành 08 Nghị quyết chuyên đề: (1) Cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo nguồn lực xây dựng thành công tỉnh Hà Tĩnh đạt

chuẩn NTM giai đoạn 2022-2025¹⁸; (2) Chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM¹⁹; (3) Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và Mức vốn đối ứng từ ngân sách địa phương thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM²⁰; (4) Quy định nội dung, mức hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025²¹. (5) Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Trung ương để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM²². (6) Phân bổ kế hoạch vốn nguồn ngân sách Trung ương và Ngân sách tỉnh giai đoạn 2022-2025 thực hiện các chương trình MTQG²³. (7) Quy chế về huy động, lồng ghép nguồn vốn và tỷ lệ số lượng dự án thực hiện theo cơ chế đặc thù thực hiện các chương trình MTQG²⁴. (8) Một số chính sách phát triển văn hóa, thể thao và du lịch²⁵.

c) Những khó khăn, bất cập, vướng mắc trong quá trình triển khai, áp dụng các văn bản vào thực tiễn, những nội dung văn bản còn thiếu, cần tiếp tục nghiên cứu, xây dựng.

- Hiện nay mức hỗ trợ từ Ngân sách Trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới còn thấp, các địa phương khó khăn trong việc bố trí nguồn đối ứng để thực hiện các mô hình dẫn đến một số mô hình đã được bố trí vốn ngân sách trung ương nhưng khó khăn trong phương án bố trí vốn đối ứng nên triển khai thực hiện chậm.

- Theo nguyên tắc tiêu chí phân bổ vốn chưa sự quan tâm ưu tiên phân bổ đối với các đơn vị, địa phương phấn đấu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Đề nghị trong giai đoạn tới, khi ban hành tiêu chí phân bổ vốn có sự ưu tiên đối với phấn đấu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Thủ tục, hồ sơ đánh giá, phân hạng lại sản phẩm OCOP chưa được rút gọn, tinh giảm, phải thực hiện nhiều bước và cần kinh phí và thời gian để thực hiện trong khi năng lực của chủ cơ sở còn hạn chế, năng lực, tính chuyên nghiệp của cán bộ phụ trách chương trình tại địa phương chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 19/4/2022; trong đó yêu cầu cần ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật làm cơ sở phân bổ kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025 và năm 2022, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ tài chính có một số nội dung hỗ trợ giao địa phương quy định cụ thể dẫn ảnh hưởng đến tiến độ

¹⁸ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 16/12/2021

¹⁹ Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 16/12/2021

²⁰ Nghị quyết số 75/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022

²¹ Nghị quyết số 79/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022, Nghị quyết số 122/2023/NQ-HĐND ngày 19/12/2023

²² Nghị quyết số 78/2022/NQ-HĐND ngày 11/11/2022

²³ Nghị quyết số 84/2022/NQ-HĐND ngày 25/8/2022

²⁴ Nghị quyết 94/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022

²⁵ Nghị quyết 98/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022

thực hiện giải ngân vốn, một số nội dung thuộc nội dung thực hiện Chương trình nhưng không quy định mức chi dẫn đến khó khăn cho cơ sở như: chi kiểm nghiệm mẫu sản phẩm OCOP khi đánh giá phân hạng.

- Danh mục các dự án áp dụng cơ chế đặc thù ban hành chậm do phải lấy ý kiến các Bộ ngành nên chưa đủ điều kiện để ban hành.

3. Công tác kiện toàn, thành lập hệ thống bộ máy chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình các cấp:

3.1 Kết quả thực hiện công tác kiện toàn, thành lập Ban chỉ đạo thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025; hệ thống cơ quan tham mưu, thực hiện Chương trình ở các cấp (tỉnh, huyện); bố trí cán bộ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới ở xã

- Về Ban Chỉ đạo thực hiện các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025:

+ Cấp tỉnh: Ban Chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia và xây dựng đô thị văn minh tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 được thành lập theo đúng quy định của Trung ương. Ban Chỉ đạo tỉnh với đầy đủ các thành phần trong hệ thống chính trị, tổ chức đoàn thể xã hội, đảm bảo yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo được cả hệ thống chính trị và toàn xã hội thực hiện và tham gia thực hiện Chương trình. Trưởng Ban Chỉ đạo là Chủ tịch UBND tỉnh, các Phó Trưởng ban Chỉ đạo là các Phó Chủ tịch UBND tỉnh và Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh; các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh gồm đầy đủ Giám đốc các sở, thủ trưởng các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị và tổ chức chính trị xã hội đảm bảo đưa cả hệ thống chính trị vào cuộc và hoạt động hiệu quả.

+ Cấp huyện: Ban Chỉ đạo tại các huyện, thành phố, thị xã giai đoạn 2021 - 2025 được thành lập, kiện toàn và thực hiện theo đúng quy định. Ban chỉ đạo cấp huyện do đồng chí Bí thư cấp ủy cấp huyện làm Trưởng ban.

+ Cấp xã, cấp thôn: Các xã thành lập Ban Chỉ đạo do đồng chí Bí thư Đảng ủy làm Trưởng ban và Ban quản lý Chương trình do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng ban. Các thôn đều thành lập Ban Phát triển thôn và Ban Giám sát cộng đồng, tích cực hoạt động và hoạt động có hiệu quả.

- *Hệ thống cơ quan tham mưu, thực hiện Chương trình ở các cấp (tỉnh, huyện); bố trí cán bộ chuyên trách về xây dựng nông thôn mới ở xã:* Thực hiện Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, Văn bản số 01/BCĐ CTMTQG ngày 14/4/2022 của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia về việc kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp giai đoạn 2021 - 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh đã kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, các huyện, thành phố, thị xã đã kiện toàn Văn phòng Điều phối nông thôn mới cấp huyện. 100% xã đã bố trí cán bộ phụ trách lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn mới.

3.2 Việc xây dựng quy chế hoạt động/phân công nhiệm vụ của thành viên Ban Chỉ đạo ở các cấp/phân cấp giữa Ban Chỉ đạo ở các cấp; mô hình tổ chức, quản lý chương trình từ Trung ương đến địa phương.

Ban Chỉ đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã đều ban hành Quy chế hoạt động, trong Kế hoạch hoạt động đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đồng chí

thành viên và các Sở, ngành liên quan gắn với chức năng, nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã có sự chỉ đạo, điều hành kịp thời từ cấp tỉnh đến huyện, xã; tạo sự phối hợp nhịp nhàng, kịp thời giữa các Sở, ngành, đơn vị, địa phương trong tổ chức triển khai thực hiện các chương trình.

3.3 Vai trò điều phối của cơ quan tham mưu, thực hiện Chương trình ở các cấp và cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành ở địa phương với cơ sở (huyện, xã) trong quản lý, chỉ đạo và triển khai Chương trình:

Công tác phối hợp được thực hiện tốt ở các cấp, các ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) là cơ quan thường trực giúp Ban Chỉ đạo tỉnh về quản lý, tổng hợp chung các chương trình mục tiêu quốc gia; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) là cơ quan Thường trực, điều phối, giúp Ban Chỉ đạo tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là cơ quan Thường trực giúp Ban Chỉ đạo tỉnh điều phối, tổ chức thực hiện xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn tỉnh. Sự phối hợp giữa các sở, ngành với nhau, sở ngành với địa phương cơ bản thông suốt, chặt chẽ.

3.4 Đánh giá những thuận lợi, khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện.

a) Thuận lợi:

- Kế thừa và phát huy kinh nghiệm từ các giai đoạn trước; giai đoạn 2010-2020 đã hình thành hệ thống tổ chức, chỉ đạo khá hoàn thiện từ trung ương đến địa phương. Do đó, việc kiện toàn bộ máy giai đoạn 2021-2025 không phải xây dựng từ đầu mà là tinh chỉnh, hoàn thiện dựa trên nền tảng sẵn có. Các cơ chế phối hợp, quy trình triển khai đã được định hình, giúp các cấp nhanh chóng đi vào hoạt động.

- Trình độ, năng lực của đội ngũ cán bộ làm công tác XDNTM, đặc biệt là cán bộ chuyên trách tại Văn phòng Điều phối các cấp, đã được nâng cao rõ rệt. Có kinh nghiệm thực tiễn, nắm vững các quy định, phương pháp triển khai và có khả năng tham mưu, điều phối tốt hơn. Điều này giúp cho việc thành lập và vận hành bộ máy mới được nhanh chóng và hiệu quả.

b) Khó khăn:

Quá trình hoạt động, mô hình tổ chức của Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ hiện nay không còn phù hợp với thực tiễn, chưa có sự thống nhất giữa các địa phương, một số nhiệm vụ còn chồng chéo nên gặp một số khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Công tác lập kế hoạch, phân bổ, sử dụng vốn ngân sách Trung ương (viết tắt là NSTW) và huy động các nguồn lực thực hiện Chương trình

a) Công tác phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 và hằng năm theo quy định tại Quyết định số 07/2022/QĐ-TTg ngày 25 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực

hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và các quy định khác có liên quan.

- Đối với kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025: Trên cơ sở thông báo vốn đầu tư ngân sách Trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, Sở Tài chính đã tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh tại các Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 và Nghị quyết số 113/2023/NQ-HĐND ngày 06/6/2023.

- Đối với kế hoạch vốn hàng năm: Sau khi có quyết định phân bổ kế hoạch vốn hàng năm của Thủ tướng Chính phủ, thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao, Sở Tài chính đã kịp thời phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu kế hoạch đảm bảo đúng các nguyên tắc, tiêu chí theo quy định.

Vốn ngân sách Trung ương, tỉnh phân bổ danh mục chi tiết đối với các công trình nước sạch tập trung và một số các nội dung sự nghiệp, phần còn lại thực hiện phân bổ cho các huyện, xã theo định mức quy định; việc lựa chọn danh mục công trình cụ thể do UBND cấp huyện, UBND cấp xã lựa chọn, nhằm nâng cao quyền chủ động cho địa phương trong việc lựa chọn, quyết định nội dung công việc đảm bảo phù hợp với quy định của chương trình, khả năng cân đối, bố trí nguồn lực của địa phương, đảm bảo sử dụng hiệu quả vốn đầu tư.

Tổng vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ giao: 1.168.950 triệu đồng

Trong đó:

+ Vốn đầu tư phát triển: 929.385 triệu đồng

+ Vốn sự nghiệp: 239.565 triệu đồng

Tỉnh Hà Tĩnh không thực hiện điều chỉnh vốn ngân sách trung ương của 02 Chương trình MTQG còn lại sang thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới (*chỉ thực hiện điều chỉnh nội bộ trong từng chương trình MTQG*).

c) Kết quả huy động nguồn lực

Tổng nguồn lực huy động được giai đoạn 2021-2024 là: 76.997.522 triệu đồng, trong đó: Ngân sách trung ương: 1.168.950 triệu đồng, Ngân sách địa phương (tỉnh, huyện, xã): 6.785.610 triệu đồng; vốn lồng ghép: 3.534.518 triệu đồng; Vốn tín dụng (Dư nợ cho vay trên địa bàn các xã): 56.398.720 triệu đồng; Vốn doanh nghiệp: 750.091 triệu đồng; huy động đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng: 8.359.634 triệu đồng.

d) Đánh giá những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phân bổ, giao kế hoạch vốn ngân sách trung ương; quản lý, sử dụng vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách địa phương; tiến độ giải ngân kế hoạch vốn ngân sách trung ương được giao thực hiện hằng năm chậm, phải chuyển nguồn qua nhiều năm; cơ chế huy động nguồn lực thực hiện xây dựng NTM trên địa bàn...

- Thuận lợi: Trung ương thông báo tổng số vốn đầu tư phát triển thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tạo chủ động cho cơ sở, đồng thời ban hành nguyên tắc tiêu chí phân bổ, trên cơ sở đó tỉnh ban hành nguyên tắc tiêu chí của tỉnh để áp dụng thực hiện.

- Khó khăn: Năm 2022, trung ương giao kế hoạch vốn muộn ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện, vốn sự nghiệp giai đoạn chưa thông báo, nên việc xây dựng kế hoạch thực hiện các nội dung liên quan đến nguồn vốn gặp khó khăn. Việc

phân cấp cho HĐND cấp tỉnh ban hành nhiều quy định mới, có nội dung khá phức tạp như quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục làm chậm tiến độ triển khai thực hiện ở địa phương. Ngoài ra, tỉnh Hà Tĩnh được Thủ tướng chính phủ Phê duyệt Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới nhưng trong nguyên tắc tiêu chí không có mục phân bổ trực tiếp cho tỉnh, đồng thời các nguồn vốn khác Trung ương cũng chưa có sự ưu tiên bố trí vốn cho tỉnh để thực hiện Đề án.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Kết quả thực hiện các nội dung, nội dung thành phần của Chương trình (đã được phê duyệt tại Quyết định số 263/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ) trên địa bàn xã.

1.1 Đánh giá kết quả thực hiện của 11 nội dung thành phần của Chương trình, cụ thể

1.1.1 Nội dung thành phần số 01: Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá:

Uy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo rà soát, điều chỉnh lập quy hoạch xây dựng vùng huyện gắn với quá trình công nghiệp hóa – đô thị hóa nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM, làm cơ sở lập quy hoạch chung các xã, các đô thị, các khu chức năng thuộc huyện. Quy hoạch cảnh quan, kiến trúc nông thôn cần chú trọng đến bảo tồn, chỉnh trang các không gian làng, xã mang đặc trưng của vùng miền, bảo đảm phù hợp, tạo nên sự hài hòa và thân thiện với môi trường. Đến nay 169/169 xã²⁶ thực hiện thực hiện rà soát, điều chỉnh quy hoạch phù hợp với quy hoạch vùng huyện, gắn với kết nối đô thị;

Sau khi phê duyệt quy hoạch nông thôn mới, các xã đã tổ chức họp công bố công khai, tổ chức cắm mốc theo quy định; công tác quản lý xây dựng theo quy hoạch được thực hiện trên cơ sở đồ án quy hoạch nông thôn mới và quy chế quản lý quy hoạch được phê duyệt.

Về quy hoạch xây dựng vùng huyện: 100% đơn vị cấp huyện đã thực hiện việc lập thẩm định và đã được UBND tỉnh phê duyệt các đồ án quy hoạch vùng huyện.

1.1.2 Nội dung thành phần số 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, cơ bản đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng miền: Hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn được quan tâm đầu tư, xây dựng, nâng cấp, từng bước theo hướng hiện đại, cải thiện điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân, nhất là hệ thống đường giao thông, trường học, trạm y tế, cơ sở vật chất văn hóa...cụ thể:

a) Nội dung 01: Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã, hạ tầng giao thông kết nối liên xã, liên huyện:

Hàng năm, UBND tỉnh đã giao các sở, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch bảo trì đường, xây dựng kế hoạch làm đường giao thông, rãnh thoát nước theo cơ chế hỗ trợ xi măng, phục hồi nâng cấp mặt đường theo cơ chế hỗ trợ kinh

²⁶ Sau sáp nhập toàn tỉnh có 170 xã, trong đó có xã Kỳ Lợi nằm trong khu tái định cư phái di dời Khu Kinh tế Vũng Áng

phí của tỉnh; UBND tỉnh phân bổ nguồn lực một cách hợp lý để đảm bảo ưu tiên các địa phương còn khó khăn (Hương Khê, Kỳ Anh, Hương Sơn) khắc phục, sửa chữa hoàn thiện hệ thống đường huyện, đường xã nhằm từng bước hoàn thiện và nâng cao hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn xã theo quy hoạch.

Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh làm được gần 1.500km đường bê tông xi măng, 400km rãnh thoát nước, nâng cấp phục hồi được hơn 500km đường bê tông xi măng bị xuống cấp bằng thảm bê tông nhựa và cacboncor asphalt theo cơ chế hỗ trợ của tỉnh; ngoài ra từ các chương trình, dự án khác đã bê tông hóa, nhựa hóa được hơn 700km đường giao thông nông thôn các loại. Ngoài ra nhiều tuyến đường quan trọng đã được triển khai, như: tuyến đường ven biển (ĐT.547); các đoạn tuyến thuộc 7 tuyến đường tỉnh; tuyến từ đường Nguyễn Huy Lung đến cầu Hộ Độ và bổ sung một đơn nguyên cầu Hộ Độ; cải tạo nâng cấp QL.8,... Đặc biệt, tuyến cao tốc Bắc – Nam nhánh phía Đông (đoạn Diễn Châu – Vũng Áng) đã thông xe ngày 28/4/2025, toàn tuyến dự kiến thông tuyến kỹ thuật trước ngày 30/6/2025. Hiện đang thi công các dự án giao thông trọng điểm như: cải tạo, nâng cấp QL.8C; ĐT.553; đường Hàm Nghi kéo dài, đường Xô Viết Nghệ Tĩnh kéo dài... Bên cạnh đó, nhiều tuyến đường huyện, đường xã do UBND cấp huyện và các Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư cũng đã và đang được cải tạo, nâng cấp, góp phần hoàn thiện, nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh.

b) Nội dung 02: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện, đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu:

Từ năm 2021 đến nay, hạ tầng thủy lợi được tập trung đầu tư nâng cấp có trọng điểm, đặc biệt tại các vùng sản xuất chịu ảnh hưởng bởi hạn hán, xâm nhập mặn. Việc đầu tư đã bước đầu phát huy hiệu quả trong việc nâng cao năng lực tưới tiêu, hỗ trợ chuyển đổi cơ cấu cây trồng linh hoạt, thích ứng với biến đổi khí hậu. Cụ thể:

- Nâng cấp, sửa chữa hồ chứa nước: Đã hoàn thành nâng cấp, sửa chữa 24 hồ chứa tại các địa phương, góp phần tăng khả năng tích trữ, đảm bảo nước tưới cho sản xuất nông nghiệp.

- Xây dựng, cải tạo tuyến kênh chính: Triển khai xây dựng kênh Cầu Động, nâng cấp kênh chính Linh Cảm (thuộc dự án Hệ thống thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, giai đoạn 2), sửa chữa kênh sông Rác đoạn qua xã Kỳ Giang (Kỳ Anh) và một số tuyến khác.

- Kiên cố hóa kênh mương nội đồng: Đã thực hiện kiên cố hóa 407,2 km kênh mương, trong đó 213,4 km theo cơ chế hỗ trợ xi măng, 193,8 km từ các chương trình, dự án khác.

- Nạo vét, mở rộng trục tiêu thoát lũ: Nhiều dự án tiêu thoát lũ được triển khai tại các vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp thuộc các huyện Đức Thọ, Can Lộc, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh, thị xã Hồng Lĩnh..., góp phần giảm thiểu tình trạng ngập úng, bảo vệ sản xuất và dân sinh.

- Dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 2789/QĐ-

BNN-XD ngày 11/7/2023, hiện nay các hợp phần dự án đang được tổ chức triển khai thi công theo kế hoạch.

- Về công trình đê điều, phòng chống thiên tai: Từ năm 2021 đến nay, đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa 7 tuyến đê với tổng chiều dài 27,48 km. Các công trình tập trung vào đê biển, đê cửa sông và đê nội địa tại các địa bàn trọng điểm như Nghi Xuân, Lộc Hà, Thạch Hà, thành phố Hà Tĩnh, Hương Sơn... góp phần nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu. Ngoài ra, một số tuyến đê quan trọng như Cầu Đông 1 – Cầu Đông 2, Cầu Núi – Cầu Phụ Lão (TP Hà Tĩnh) đã được đưa vào Dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ và đang trong giai đoạn chuẩn bị thi công.

c) Nội dung 03: Cải tạo và nâng cấp hệ thống lưới điện nông thôn theo hướng an toàn, tin cậy, ổn định và đảm bảo mỹ quan:

Việc đầu tư cải tạo, nâng cấp lưới điện và phát triển nguồn điện được triển khai đồng bộ, bước đầu đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng điện phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh; giai đoạn 2021–2025, Hà Tĩnh đã và đang triển khai 69 dự án lưới điện trung, hạ áp với tổng vốn đầu tư hơn 2.000 tỷ đồng; hệ thống lưới điện phân phối trên địa bàn toàn tỉnh hiện có trên 3.629 km đường dây trung áp, 7.776 km đường dây hạ áp và 4.139 trạm biến áp phân phối (tăng đáng kể so với đầu năm 2021), góp phần nâng cao chất lượng cung cấp điện cho khu vực nông thôn.

Về nguồn điện, đã hoàn thành đưa vào vận hành Nhà máy Thủy điện Ngàn Trươi (25,5 MW); đang triển khai thi công 2 dự án thủy điện và 1 dự án điện gió (HBRE Hà Tĩnh, công suất 120 MW); một số dự án khác đang hoàn thiện thủ tục để triển khai.

d) Nội dung 04: Tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh các công trình cấp xã, cấp huyện đảm bảo đạt chuẩn cơ sở vật chất cho các trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo:

Cơ sở vật chất trường học tiếp tục được quan tâm đầu tư đúng mức, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; đến nay, 561/640 trường đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 87,66%), trong đó có 275 trường đạt chuẩn mức 1 và 286 trường đạt chuẩn mức 2. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt trên 85%, cơ bản khắc phục tình trạng học hai ca; hệ thống phòng học bộ môn, phòng chức năng được đầu tư đồng bộ; nhiều cơ sở đã ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, thí điểm phòng học thông minh.

e) Nội dung 05: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất văn hóa thể thao cấp xã, thôn, các trung tâm văn hóa - thể thao huyện; tu bổ, tôn tạo các di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch nông thôn:

Cơ sở vật chất văn hóa, thể thao các cấp được đầu tư nâng cấp, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng; cấp xã xây dựng mới 21 nhà văn hóa xã, 25 sân vận động, 33 khu vui chơi, 111 nhà văn hóa thôn và 48 khu thể thao thôn; đến nay, 100% xã đạt chuẩn tiêu chí văn hóa trong xây dựng nông thôn mới, trong đó 41% xã đạt chuẩn nâng cao, 11% đạt chuẩn kiểu mẫu. Cấp huyện đã xây mới,

nâng cấp 05 trung tâm văn hóa – thể thao, đạt 100% huyện có trung tâm văn hóa, thể thao.

Về bảo tồn di sản, toàn tỉnh hiện có 680 di tích được xếp hạng (03 quốc gia đặc biệt, 92 quốc gia, 585 cấp tỉnh); 100% di tích được quản lý, bảo vệ và khai thác theo đúng quy định. Nhiều di tích trọng điểm đã được tu bổ, tôn tạo gắn với phát triển du lịch văn hóa – lịch sử nông thôn, góp phần gìn giữ giá trị văn hóa và thu hút khách tham quan.

f) Nội dung 06: Đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, chợ an toàn thực phẩm cấp xã; các chợ trung tâm, chợ đầu mối, trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện; trung tâm kỹ thuật nông nghiệp; hệ thống trung tâm cung ứng nông sản hiện đại:

Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn được đầu tư, xây dựng theo hướng đồng bộ, hiện đại, góp phần thúc đẩy tiêu thụ nông sản và nâng cao chất lượng tiêu chí nông thôn mới. Giai đoạn 2021-2025, toàn tỉnh đã xây mới, cải tạo 35 chợ (xây mới 03 chợ, nâng cấp, cải tạo 32 chợ) với tổng kinh phí 424,6 tỷ đồng; toàn tỉnh hiện có 150 chợ đang hoạt động (gồm 5 chợ hạng I, 7 chợ hạng II, 133 chợ hạng III và 5 chợ tạm), trong đó: 133 chợ hạng III đã được đầu tư, cải tạo đạt chuẩn tiêu chí xã nông thôn mới; 15 chợ đạt tiêu chí chợ an toàn thực phẩm. Ngoài ra, đã hình thành trên 50 siêu thị mini tại khu vực nông thôn và 16 cửa hàng giới thiệu, kinh doanh sản phẩm OCOP. Ngoài ra, có 2 hệ thống siêu thị lớn (Vinmart, Coopmart) mở rộng hoạt động về cấp xã.

Về trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn: Thực hiện Chương trình OCOP và Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ, tỉnh đã hỗ trợ phát triển: 08 cơ sở kinh doanh, giới thiệu sản phẩm hữu cơ; 16 cửa hàng cung ứng sản phẩm OCOP; 26 cửa hàng cung ứng nông sản có truy xuất nguồn gốc; 24 chuỗi cung ứng sản phẩm an toàn được cấp xác nhận với các mặt hàng đặc sản (cam, bưởi, rau củ, chè, thịt, thủy sản...).

Về trung tâm kỹ thuật nông nghiệp: Hiện có 12 trung tâm kỹ thuật nông nghiệp cấp huyện được thành lập trên cơ sở hợp nhất các trạm BVTV, thú y, giống cây trồng vật nuôi. Tỉnh đang thực hiện phương án sắp xếp, kiện toàn tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, phù hợp mô hình chính quyền 2 cấp.

g) Nội dung 07: Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ các vùng nguyên liệu tập trung gắn với liên kết chuỗi giá trị, cơ sở hạ tầng các cụm làng nghề, ngành nghề nông thôn:

Giai đoạn 2021–2025, tỉnh Hà Tĩnh tập trung đầu tư xây dựng hạ tầng đồng bộ phục vụ phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hóa và ngành nghề nông thôn, gắn với liên kết chuỗi giá trị, thích ứng với nhu cầu thị trường và biến đổi khí hậu.

Lĩnh vực trồng trọt: Tỉnh đã hình thành khoảng 10.120 ha vùng tích tụ, tập trung sản xuất, trong tổng diện tích quy hoạch khoảng 20.000 ha vùng sản xuất tập trung. Các vùng này được đầu tư hạ tầng phục vụ canh tác, thu hoạch, tiêu thụ theo mô hình "một giống, một thời vụ, một quy trình". Một số mô hình liên kết hiệu quả: Chè công nghiệp: Công ty CP chè Hà Tĩnh liên kết với hơn 1.200 hộ trên 1.100 ha tại 3 huyện, sản lượng >10.000 tấn/năm; Cây ăn quả: Cam, bưởi Phúc Trạch từng bước tiếp cận hệ thống phân phối hiện đại

(Vinmart+, Coopmart) và sàn thương mại điện tử (Vỏ Sò, Postmart, Sendo...); Cây lúa: Hình thành các mô hình liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa giống với Công ty CP Giống cây trồng Hà Tĩnh và các doanh nghiệp, HTX như KC Hà Tĩnh, Đức Lâm, Hạ Vàng, Tập đoàn Quế Lâm... Giá lúa thương phẩm ổn định (6.000–7.500 đ/kg lúa tươi, 9.000–11.000 đ/kg lúa khô). Lượng thu mua đạt khoảng 60.000 tấn/vụ, góp phần nâng cao thu nhập, ổn định đầu ra cho nông dân; Rau củ quả: Diện tích sản xuất trong nhà lưới, nhà màng đạt 196.776 m² với 283 cơ sở. Các mô hình này do HTX, tổ hợp tác, hộ cá nhân làm chủ, chủ động liên kết tiêu thụ sản phẩm với siêu thị, thương lái và các kênh phân phối hiện đại.

Lĩnh vực chăn nuôi: Toàn tỉnh có 254 trang trại chăn nuôi quy mô lớn và vừa, trong đó 198 trại nuôi lợn, 48 trại nuôi gà, 8 trại nuôi bò. Tổng đàn lợn tại các trang trại chiếm khoảng 70% tổng đàn toàn tỉnh. Các trang trại được đầu tư hạ tầng khá đồng bộ, ứng dụng quy trình công nghệ chăn nuôi tiên tiến, đảm bảo an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh hiệu quả.

Lĩnh vực thủy sản: Cơ sở hạ tầng nuôi trồng thủy sản được đầu tư nâng cấp, đáp ứng yêu cầu sản xuất thực tiễn. Các mô hình nuôi tôm thâm canh ao đất, nuôi công nghệ cao trên cát đạt năng suất cao (10-15 tấn/ha/vụ trong ao đất; 20-30 tấn/ha/vụ trong ao công nghệ cao). Một số kết quả nổi bật: Hoàn thành hạ tầng vùng nuôi tại xã Mai Phụ (Thạch Hà) quy mô 60 ha, thu hút 2 nhà đầu tư triển khai 30 ha nuôi tôm công nghệ cao. Đang khảo sát đầu tư 3 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung: Trung Hải (Kỳ Hải - 74 ha), Kỳ Thọ (60 ha), Đỉnh Bàn – TP Hà Tĩnh (30,5 ha).

Hệ thống hạ tầng nghề cá được chú trọng đầu tư: 2 cảng cá (Cửa Hội, Cửa Sót) đưa vào vận hành; 4 khu neo đậu tránh trú bão (Cửa Sót, Cửa Nhượng, Cửa Hội, Cửa Khẩu), trong đó 2 khu đã hoàn thành, 2 khu đang triển khai.

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp và phát triển ngành nghề nông thôn đã góp phần hình thành vùng nguyên liệu tập trung, nâng cao giá trị sản xuất, hỗ trợ nông dân tiếp cận thị trường, thúc đẩy phát triển nông nghiệp hàng hóa và xây dựng nông thôn mới bền vững.

h) Nội dung 08: Tiếp tục xây dựng, cải tạo và nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện:

Cơ sở hạ tầng và trang thiết bị cho các bệnh viện tuyến huyện và trạm y tế xã được đầu tư nâng cấp, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh tại cơ sở và hoàn thiện tiêu chí y tế trong xây dựng nông thôn mới nâng cao và kiểu mẫu. Từ các chương trình, dự án trọng điểm: Đã nâng cấp, cải tạo Bệnh viện Đa khoa huyện Cẩm Xuyên với tổng mức đầu tư dự kiến 150 tỷ đồng; đầu tư nâng cấp 04 Trung tâm Y tế huyện (Hương Sơn, Can Lộc, Đức Thọ, Lộc Hà) và 19 trạm y tế xã, với tổng kinh phí 264,5 tỷ đồng (gồm 260 tỷ đồng từ ngân sách trung ương, 4,5 tỷ đồng đối ứng địa phương). Chương trình đầu tư xây mới 24 trạm y tế xã, cải tạo 25 trạm khác với tổng mức đầu tư 208,6 tỷ đồng (gồm 165,1 tỷ đồng vốn ODA và 43,5 tỷ đồng đối ứng địa phương). HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 71/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 về một số chính sách đặc thù trong lĩnh vực y tế công lập giai đoạn 2022–2025, trong đó bố trí

tối thiểu 50 tỷ đồng mỗi năm để tăng cường cơ sở vật chất và trang thiết bị cho hệ thống y tế cơ sở.

i) Nội dung 09: Phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng số, chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn (theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ); tăng cường xây dựng cơ sở vật chất cho hệ thống thông tin và truyền thông cơ sở, ưu tiên phát triển, nâng cấp các đài truyền thanh xã có cụm loa hoạt động đến thôn và tăng cường phương tiện sản xuất các sản phẩm thông tin, tuyên truyền cho cơ sở truyền thanh, truyền hình cấp huyện; phát triển và duy trì các điểm cung cấp dịch vụ bưu chính:

Hà Tĩnh đã triển khai nhiều giải pháp phát triển hạ tầng số và thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin tại cơ sở, từng bước hiện đại hóa phương thức quản lý, sản xuất và cung cấp dịch vụ cho người dân, cụ thể:

- Hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin: Đã triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng tại 100% cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh, huyện và xã. Thực hiện chuyển đổi địa chỉ IPv6, nâng cấp kết nối mạng diện rộng, đảm bảo an toàn thông tin. Xây dựng nền tảng tích hợp chia sẻ dữ liệu (LGSP) phục vụ kết nối liên thông các phần mềm quản lý, dịch vụ công. Toàn tỉnh hiện có 278 điểm cung cấp dịch vụ bưu chính, đảm bảo kết nối phục vụ hành chính công và thương mại điện tử.

- Hệ thống đài truyền thanh cấp xã được quan tâm đầu tư, đến nay trên toàn tỉnh có 25 đài truyền thanh ứng dụng CNTT-VT, 15 hệ thống có dây và 176 hệ thống đài sử dụng tần số vô tuyến điện FM, đảm bảo hệ thống loa đến các thôn, có 15121/1512 thôn hạ tầng cáp quang đảm bảo để sử dụng các dịch vụ.

- Trung tâm Văn hóa - Truyền thông cấp huyện đã tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, đảm bảo hoạt động hiệu quả, đầu tư 07 đài truyền thanh cơ sở với kinh phí 2.098.437.000 đồng.

Hiện nay, tỉnh đang tập trung triển khai thực hiện chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

k) Nội dung 10: Xây dựng, hoàn thiện các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung, đảm bảo chất lượng đạt chuẩn theo quy định:

Từ năm 2021 đến nay toàn tỉnh đã triển khai 36 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung với tổng kinh phí 1.035,16 tỷ đồng, bao gồm: Nghị quyết số 208/NQ-HĐND ngày 17/4/2020 của HĐND tỉnh phân bổ 180 tỷ đồng để thực hiện 11 công trình cấp nước sạch nông thôn; Nghị quyết số 219/NQ-HĐND ngày 10/7/2020 của HĐND tỉnh phân bổ 30 tỷ đồng để thực hiện 02 công trình cấp nước sạch nông thôn; Nghị quyết số 94/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 của HĐND tỉnh phân bổ 350 tỷ đồng để thực hiện 17 công trình cấp nước sạch nông thôn; Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 06/6/2023 của HĐND tỉnh phân bổ 30,7 tỷ đồng để thực hiện 03 công trình cấp nước sạch nông thôn; Dự án nước sạch cho một số xã thuộc huyện Lộc Hà (nay là huyện Thạch Hà), Can Lộc

thuộc dự án (BIIG2) (tổng mức đầu tư 215 tỷ đồng); Dự án Nhà máy nước và hệ thống cấp nước sạch cho Nhân dân thị trấn Hương Khê và 8 xã vùng phụ cận (tổng mức đầu tư 229,46 tỷ đồng); Dự án Hệ thống đường ống chính dẫn nước sạch phục vụ người dân các xã phía Nam, huyện Kỳ Anh. Ngoài ra còn có một số dự án do UBND cấp huyện, UBND xã, Công ty CP cấp nước Hà Tĩnh bố trí nguồn vốn để mở rộng mạng lưới từ hệ thống cấp nước đô thị để phục vụ nhân dân thuộc địa bàn các xã vùng lân cận.

l) Nội dung 11: Tập trung xây dựng cơ sở hạ tầng bảo vệ môi trường nông thôn; thu hút các doanh nghiệp đầu tư các khu xử lý chất thải tập trung quy mô liên huyện, liên tỉnh; đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; xây dựng các mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô tập trung (cấp huyện và liên huyện), ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện với môi trường; đầu tư, cải tạo, nâng cấp đồng bộ hệ thống thu gom, thoát nước thải và các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp; trong đó có phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn:

+ Về số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn: đến nay, toàn tỉnh, có khoảng 75% số hộ thực hiện phân loại rác tại nguồn (trong đó, có trên 166.000 hộ có công trình, biện pháp xử lý chất thải thực phẩm tại hộ và có 30 mô hình xử lý chất thải thực phẩm tập trung); tổng lượng chất thải thực phẩm sau phân loại và tự xử lý tại hộ gia đình khoảng 227,0 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 30,5% lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (744,1 tấn/ngày).

+ Về tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý: Theo số liệu thống kê của các địa phương, lượng CTRSH được xử lý đúng quy định khoảng 672,1 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 90,4% so với lượng rác phát sinh (trong đó lượng CTRSH được phân loại và tự xử lý tại hộ gia đình là 227 tấn, đạt 30,5% lượng phát sinh; lượng CTRSH được vận chuyển về xử lý tại các khu xử lý là 445,1 tấn).

+ Về việc triển khai mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp huyện hoặc liên huyện với công nghệ phù hợp: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo và chỉ đạo các ngành, địa phương tổ chức thực hiện Đề án, tập trung các giải pháp hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải CTR. UBND tỉnh đã chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư nhà máy điện rác tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 11/7/2024. Hiện nay toàn tỉnh có 13 khu xử lý CTR sinh hoạt đang hoạt động với 3 loại hình công nghệ (3 nhà máy, 4 bãi chôn lấp và 6 lò đốt độc lập).

+ Về tỷ lệ số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả; số đơn vị cấp huyện có triển khai mô hình thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả: Toàn tỉnh hiện có 17 mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại 09 địa phương và tại 12/12 huyện, thị xã, thành phố đã triển khai xây dựng mô hình thu gom xử lý nước thải tại hộ gia đình theo 2 hình thức (bể

composite và bể lắng lọc bê tông 3 ngăn/3 bi), đưa tổng số hộ gia đình có công trình biện pháp xử lý nước thải tại chỗ phù hợp toàn tỉnh khoảng 99.600 hộ/372.000 hộ dân cư nông thôn, đạt tỷ lệ 26,7%.

+ Về tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật được thu gom và xử lý theo quy định: toàn tỉnh đã lắp đặt được hơn 5.000 bể chứa thu gom bao gói thuốc thực vật, đã góp phần hạn chế đáng kể tình trạng vứt bừa bãi trên đồng ruộng gây ô nhiễm đất, nguồn nước. Đến nay có hơn 95% lượng bao bì thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng quy định.

+ Về tỷ lệ chất thải rắn và nước thải sản xuất các làng nghề truyền thống được thu gom và xử lý theo quy định: Toàn tỉnh hiện có hơn 40 làng nghề công nghiệp - tiêu thủ công nghiệp. Lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại các làng nghề chủ yếu được các cơ sở sản xuất tự thu gom, xử lý tại chỗ hoặc hợp đồng với đơn vị thu gom để vận chuyển, xử lý tại khu xử lý chất thải rắn trên địa bàn. Đối với nước thải: các làng nghề có lượng nước thải lớn như làng nghề bánh bún và nghề chế biến nước mắm việc thu gom xử lý còn hạn chế.

+ Về xây dựng đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và có mô hình xây dựng hoặc cải tạo cảnh quan ao hồ: Đến nay, có 05/13 huyện, thành phố, thị xã ban hành đề án cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng; các địa phương triển khai xây dựng các mô hình xử lý nước mặt như: hồ Bàu Mối tại Thị trấn Đức Thọ làm hồ điều hòa sinh thái, bảo đảm quy định về bảo vệ môi trường; Cải tạo hồ Bình Sơn, thị trấn Hương Khê đảm bảo vệ sinh môi trường tạo cảnh quan khu vực xung quanh; Cải tạo hệ thống mương, hồ chứa nước mặt và xử lý nước thải sinh hoạt tại thị trấn Thạch Hà; cải tạo hệ thống mương tiêu thoát và xử lý nước mặt tại thị trấn Xuân An, huyện Nghi Xuân...

+ Về tỷ lệ hộ gia đình nông thôn và trường học, trạm y tế có nhà tiêu hợp vệ sinh được xây dựng và quản lý sử dụng đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn: Toàn tỉnh có hơn 90% số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh và cơ bản các trường học, trạm y tế đã xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

1.1.3 Nội dung thành phần số 03: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; triển khai mạnh mẽ Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) nhằm nâng cao giá trị gia tăng, phù hợp với quá trình chuyển đổi số, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển mạnh ngành nghề nông thôn; phát triển du lịch nông thôn; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn... góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững: Kinh tế nông thôn có sự phát triển, thực hiện cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế nông thôn được tập trung triển khai, đạt kết quả khá tích cực, góp phần nâng cao giá trị gia tăng và thu nhập cho người dân nông thôn.

a) Nội dung 01: Tập trung triển khai cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, tiêu thủ công nghiệp và dịch vụ theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái, phát huy lợi thế về địa hình, khí hậu, cảnh quan thiên nhiên và hạ tầng kinh tế xã hội:

Nông nghiệp duy trì phát triển và đạt kết quả khá toàn diện. Tốc độ tăng trưởng bình quân toàn nông nghiệp giai đoạn 2021-2024 đạt 3,38%/năm. Sản xuất lúa vụ Xuân, Hè Thu hàng năm liên tục được mùa, từng bước tổ chức lại sản xuất, phát triển nhanh các mô hình cải tạo đồng ruộng, tập trung tích tụ ruộng đất cho hiệu quả rõ nét²⁷, tổng diện tích hiện đạt trên 10.120,35 ha²⁸ (gấp gần 4 lần so với cuối năm 2020); phát triển, mở rộng các vùng/cơ sở sản xuất tập trung gắn với ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ và hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến²⁹; bước đầu có những mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn³⁰; Các cây trồng có lợi thế như cam, bưởi đã được tập trung đầu tư thâm canh, liên tục được mùa, được giá (sản lượng lương thực tăng từ 58 vạn tấn năm 2020 lên 64 vạn tấn năm 2024, sản lượng cam từ 63,8 ngàn tấn năm 2020 lên 67 ngàn tấn năm 2024; sản lượng bưởi từ 32,6 ngàn tấn năm 2020 lên 37 ngàn tấn năm 2024); chuỗi chè công nghiệp tiếp tục phát huy hiệu quả mang lại thu nhập cao cho người nông dân (diện tích chè công nghiệp đạt trên 1.200 ha, sản lượng búp tươi 13.490 tấn). Chăn nuôi cơ bản được duy trì, phát triển, chất lượng đàn nâng lên³¹, phát huy hiệu quả trên 254 trang trại chăn nuôi quy mô lớn và vừa³²; cơ bản kiểm soát tốt các loại dịch bệnh nguy hiểm phát sinh³³. Tập trung phát triển, quản lý sử dụng rừng theo hướng bền vững³⁴; công tác quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng được tập trung chỉ đạo; tỷ lệ che phủ rừng năm 2023 đạt trên 52,58% (năm 2020 là 52,35%). Sản xuất thủy sản ổn định³⁵; diện tích nuôi tôm thâm canh, công nghệ cao, nuôi tôm trên cát ước đạt trên 629 ha (tăng 21% so với đầu nhiệm kỳ); thực hiện quyết liệt các giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU)³⁶.

²⁷ Theo hướng thâm canh, cánh đồng lớn “1 cánh đồng, 1 giống, 1 thời vụ, 1 quy trình canh tác”, áp dụng đồng bộ cơ giới hóa, đưa các tiến bộ kỹ thuật, giống mới cho năng suất, chất lượng cao, thu nhập tăng thêm từ 10-15% so với sản xuất trước đây.

²⁸ Trong tổng 10.120,35 ha diện tích phá bờ thửa nhỏ hình thành ô thửa lớn và tích tụ ruộng đất, có 9.794,12 ha tập trung, tích tụ ruộng đất theo hình thức Chuyển đổi ruộng đất (dồn điền, đổi thửa), 183,73 ha cho thuê quyền sử dụng đất, 135,1 ha theo hình thức liên kết, hợp tác và 7,4 ha chuyển nhượng, góp vốn. Tổng hợp theo địa bàn: Can Lộc 3.529,8 ha, Thạch Hà 1.284,42 ha, Lộc Hà 1.279,3 ha, Cẩm Xuyên 967,9 ha, Kỳ Anh 948,5 ha...

²⁹ Lũy kế đến nay: Số cơ sở được cấp Giấy chứng nhận VietGAP, VietGAHP, GMP, HACCP, ISO... là 601 cơ sở, trong đó có 247 Giấy chứng nhận còn hiệu lực. Số cơ sở có Giấy chứng nhận còn hiệu lực gồm: 1.296,56ha/141 cơ sở trồng trọt được cấp giấy chứng nhận VietGAP còn hiệu lực, trong đó gồm: Cam 512,35 ha/87 cơ sở; bưởi 40,55ha/4 cơ sở; vườn ăn quả hỗn hợp 17,1 ha/2 cơ sở; rau 37,51 ha /15 cơ sở; lúa 577 ha/27 cơ sở, chè 59,44 ha/3 cơ sở, sen 28 ha/1 cơ sở; 20 cơ sở chăn nuôi được chứng nhận VietGAHP; 11 cơ sở NTTS được chứng nhận VietGAP, 70 cơ sở chế biến nông sản, thủy sản có giấy chứng nhận HACCP, GMP, ISO...;

Tổng diện tích sản xuất hữu cơ trên địa bàn toàn tỉnh đạt 384,95ha trên các đối tượng cây trồng như lúa, dưa hấu, cam, bưởi, hồng,...trong đó có 93,52ha đạt chứng nhận hữu cơ và 291,43ha đang thực hiện theo hữu cơ (Cây lúa 11 ha: Hồng Lĩnh 6 ha, Cẩm Xuyên 5 ha; rau các loại 4,3 ha tại thành phố Hà Tĩnh; cây cam 38,5 ha: Hương Khê 1 ha, Vũ Quang 30,5 ha, Kỳ Anh 7 ha; Cây bưởi 6,7 ha: Hương Khê 2 ha, Kỳ Anh 4,7 ha; vườn cây ăn quả hỗn hợp 29,3 ha: Can Lộc 25 ha, Vũ Quang 2,3 ha, Hương Khê 2 ha; Cây hồng 3,72 ha hồng tại Vũ Quang); 22 mô hình chăn nuôi lợn theo hướng hữu cơ

³⁰ Mô hình sản xuất lúa hữu cơ tại Vũ Quang, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh. Thành phố Hà Tĩnh xây dựng các mô hình: Trồng và chế biến sen theo chuỗi giá trị gắn với du lịch; Nuôi trai lấy ngọc gắn với du lịch sinh thái; Nuôi tôm 3 giai đoạn ứng dụng công nghệ vi sinh... Phát triển mô hình hộ chăn nuôi lợn hữu cơ an toàn sinh học; hộ gia đình trồng cam theo hướng hữu cơ; 03 huyện mở các cửa hàng giới thiệu và tiêu thụ thịt lợn hữu cơ, hàng nông sản hữu cơ sản xuất trên địa bàn.

³¹ Đến nay, tổng đàn trâu, bò ước đạt 230.840 con, lợn ước đạt 405.267 con, hươu 49.442 con, gia cầm trên 10.000 ngàn con; tỷ lệ lợn nái ngoại đạt trên 59% đàn nái (tăng 5%), bò zebu, chất lượng cao đạt 60% tổng đàn (tăng 6%).

³² Gồm 198 trang trại chăn nuôi lợn, 08 trang trại chăn nuôi bò và 48 trang trại chăn nuôi gà.

³³ như Dịch tả lợn Châu Phi, Viêm da nổi cục trên trâu bò và lở mồm long móng gia súc

³⁴ Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC đạt trên 25.790 ha (tăng hơn 5.000 ha); sản lượng gỗ nguyên liệu rừng trồng tăng từ 385.800 m³ (năm 2020) lên 550.000 m³ (năm 2022), dự kiến năm 2023 đạt trên 580.000 m³ (tăng trên 22% so với đầu nhiệm kỳ).

³⁵ Sản lượng bình quân ước đạt trên 55.200 tấn/năm, trong đó: sản lượng khai thác đạt trên 38.000 tấn/năm, nuôi trồng đạt trên 16.300 tấn/năm.

³⁶ Đến nay có 104/104 tàu cá đang hoạt khai thác thủy sản vùng khơi đã lắp đặt thiết bị VMS (đạt 100%); có

b) Nội dung 02: Xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, cơ giới hóa đồng bộ, nâng cao năng lực chế biến và bảo quản nông sản theo các mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với tiêu chuẩn chất lượng và mã vùng nguyên liệu; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

+ Trên lĩnh vực trồng trọt: Triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và những năm tiếp theo để hình thành các vùng sản xuất tập trung và đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ. Đến nay, phong trào cải tạo đồng ruộng, dồn điền, đổi thửa, tập trung, tích tụ ruộng đất tiếp tục được nhân rộng, cho hiệu quả rõ nét, tổng diện tích đạt 10.120,35 ha (đạt 67,47 % chỉ tiêu Nghị quyết đề ra)³⁷. Sau khi tập trung, tích tụ đã hình thành nhiều cánh đồng lớn, sản xuất theo hướng “một giống, một thời vụ, một quy trình canh tác” tạo sản phẩm hàng hóa đồng nhất; thuận lợi trong việc thực hiện cơ giới hóa (làm đất, thu hoạch, phun thuốc bảo vệ thực vật...), điều tiết thủy lợi, điều tra phát hiện và phòng trừ sâu bệnh; giảm công lao động, tăng hiệu quả kinh tế.

Đã cấp 95 mã số vùng trồng cho các cơ sở sản xuất trên địa bàn tỉnh, tổng diện tích 1440,93 ha, trong đó: Lúa 1.134,14 ha/56 cơ sở; chè 78,15 ha/6 cơ sở; cây ăn quả 109,76 ha/13 cơ sở; Lạc 93,6 ha/8 cơ sở, 26 ha rau các loại và một số cây trồng khác/12 cơ sở.

+ Trên lĩnh vực chăn nuôi: Chăn nuôi trang trại tiếp tục phát triển, đến nay toàn tỉnh có 254 trang trại chăn nuôi quy mô lớn và vừa (gồm: lợn 198 trang trại, gà 48 trang trại, bò 08 trang trại), trong đó tổng đàn chăn nuôi trang trại: đàn lợn 285 ngàn con chiếm khoảng 70% tổng đàn. Các trang trại được đầu tư cơ sở hạ tầng khá đồng bộ, ứng dụng quy trình, công nghệ chăn nuôi tiên tiến, kiểm soát tốt dịch bệnh. Duy trì và phát triển các mô hình chăn nuôi liên kết với doanh nghiệp với 157 trang trại chăn nuôi lợn, số lượng gần 185 ngàn con chiếm khoảng 46% tổng đàn lợn, sản lượng 37.270 tấn chiếm khoảng 51% sản lượng thịt hơi xuất chuồng. Xây dựng các mô hình tiêu biểu: MH chăn nuôi lợn thịt an toàn dịch bệnh theo hướng tuần hoàn” với quy mô 50 con tại xã Tân Lâm Hương (Thạch Hà); Mô hình vỗ béo bò thịt (lai 3B, lai Brahman) sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải chăn nuôi với quy mô 50 con bò lai tại xã Hồng Lộc (Lộc Hà). Duy trì mô hình chăn nuôi hươu quy mô 100 con/hộ (02 mô hình), quy mô trên 50 con/hộ (12 mô hình); 05 cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm nhưng hươu đạt tiêu chuẩn OCOP là cơ hội để giới thiệu, quảng bá sản phẩm ra các thị trường cả nước. Thực hiện chính sách tại Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND, hỗ trợ nuôi giữ 200 con hươu đực giống được bình tuyển, lựa chọn để nhân giống.

2.898/2.964 tàu cá thực hiện việc đánh dấu tàu, kê vẽ biển số (đạt 98%); có 67 tổ đội khai thác với 413 tàu cá, 02 nghiệp đoàn nghề cá với sự tham gia trên 400 tàu cá và 15 tổ đồng quản lý nghề cá ven bờ. Tỷ lệ tàu cá có giấy phép còn hạn sử dụng đạt trên 84,39%, cao hơn bình quân chung cả nước (cả nước đạt 70%).

³⁷ trong đó 9.794,12 ha tập trung, tích tụ ruộng đất theo hình thức Chuyển đổi ruộng đất (dồn điền, đổi thửa), 183,73 ha cho thuê quyền sử dụng đất, 135,1 ha theo hình thức liên kết, hợp tác và 7,4 ha chuyển nhượng, góp vốn

+ Trên lĩnh vực *Chế biến nông lâm thủy sản*: Đã thu hút được nhiều doanh nghiệp đầu tư các dự án với nguồn vốn lớn, công nghệ hiện đại như trong chế biến gỗ MDF, HDF, chăn nuôi bò và chế biến sữa, sản xuất phân bón, chế biến thủy sản; nâng cấp công nghệ, thiết bị các nhà máy chế biến chè, chế biến nhung hươu, hệ thống kho lạnh tại các cảng cá,... Thu hút doanh nghiệp đầu tư, hình thành chuỗi liên kết khép kín, tiêu biểu như: Chuỗi liên kết sản xuất chè xuất khẩu, chăn nuôi lợn thịt, lợn nái quy mô lớn; liên kết thu mua, bao tiêu ổn định sản phẩm cam, bưởi Phúc Trạch; liên kết sản xuất lúa giống, lúa hàng hóa theo hướng cánh đồng lớn; liên kết một số khâu trong cung ứng giống, thức ăn, hỗ trợ kỹ thuật với các HTX, hộ nuôi tôm trên cát,... và một số mô hình liên kết cung ứng giống, thức ăn, hỗ trợ kỹ thuật với các HTX, hộ nuôi tôm công nghệ cao trên cát,...

c) Nội dung 03: Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chính sách đầu tư bảo vệ, phát triển rừng, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025; chú trọng đẩy mạnh phát triển các mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng vùng

+ Về chính sách đầu tư bảo vệ, phát triển rừng và Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 – 2025: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh đã ban hành các văn bản cụ thể hóa các chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương về công tác Phát triển rừng³⁸; kết quả từ năm 2021 đến nay, toàn tỉnh trồng được 27.357 ha rừng tập trung và 1.123,7 ha cây dược liệu, lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng; hưởng ứng “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” và thực hiện Đề án 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 đã trồng được 9,32 triệu cây; trồng bổ sung làm giàu rừng 3.288 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 500 ha; khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung 50,5ha; có 10 đơn vị chủ rừng là tổ chức được phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững với diện tích 174.020 ha. Việc cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững FSC được quan tâm, hiện toàn tỉnh có 35.000ha rừng được cấp chứng chỉ FSC. Nhìn chung, sản xuất lâm nghiệp duy trì ổn định, tạo việc làm, góp phần nâng cao thu nhập người dân, đặc biệt người dân sống gần rừng. Độ che phủ rừng giữ ổn định trên 52%.

+ Về phát triển các mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững; phát triển lâm sản ngoài gỗ theo thế mạnh của từng vùng: Trên địa bàn tỉnh hiện có 04 doanh nghiệp, tổ chức liên kết với các hộ gia đình thực hiện cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững với tổng diện tích 13.231,86ha rừng trồng; trong đó có 02 tổ chức, doanh nghiệp thực hiện liên kết với các hộ dân để phát triển các chuỗi liên kết khép kín từ khâu giống, trồng rừng, chế biến, tiêu thụ sản phẩm với diện tích 8.563,36ha.

³⁸ Kế hoạch Thực hiện Quyết định số 523/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 01/4/2021 về việc phê duyệt Chiến lược Phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; triển khai thực hiện Đề án nâng cao chất lượng rừng theo Quyết định số 171/QĐ-TTg ngày 07/02/2024; Đề án phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 208/QĐ-TTg ngày 29/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ.

+ Về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng: Giai đoạn 2021 - 2024 đã thu khoảng 38,51 tỷ đồng tiền dịch vụ môi trường rừng để tái đầu tư cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn³⁹. Ngoài ra, Hà Tĩnh là 1 trong 6 tỉnh vùng Bắc Trung Bộ được thực hiện thí điểm chuyển nhượng kết quả giảm phát thải và quản lý tài chính thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ theo Nghị định 107/2022/NĐ-CP ngày 28/12/2023 của Chính phủ. *d) Nội dung 04: Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị:*

+ *Về Chương trình OCOP:* Toàn tỉnh đánh giá công nhận 405 sản phẩm OCOP, 248 sản phẩm còn hiệu lực chứng nhận OCOP trong đó: 8 sản phẩm đạt 4 sao, 240 sản phẩm đạt 3 sao. Đã có 320 chủ thể tham gia Chương trình, trong đó: có 69 Hợp tác xã, 43 Doanh nghiệp, 31 tổ hợp tác, 177 hộ gia đình. Có 01/07 làng nghề có sản phẩm đạt chứng nhận OCOP (đạt 14%). Các sản phẩm OCOP là sản phẩm đặc sản của các địa phương, được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; công tác quản lý chất lượng sản phẩm được quan tâm chỉ đạo thực hiện; công tác quảng bá sản phẩm, xúc tiến thương mại được đa dạng dưới nhiều hình thức: các cơ sở tham gia quảng bá tại các sự kiện, hội chợ trong và ngoài nước Có trên 90% chủ thể OCOP tham gia vào các kênh bán hàng hiện đại (hệ thống siêu thị, cửa hàng tiện lợi, sàn giao dịch thương mại điện tử, website, facebook, zalo,...) và 18 cửa hàng OCOP trên toàn tỉnh.

+ *Về phát triển ngành nghề nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn:* Các tổ chức sản xuất ngành nghề nông thôn hiện nay bao gồm 151 doanh nghiệp; 142 hợp tác xã; 134 tổ hợp tác và trên 20.584 hộ gia đình. Ở một số địa phương, làng nghề bước đầu đã hình liên kết đào tạo nghề, cung cấp nguyên liệu, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đem lại hiệu quả kinh tế.

+ Công tác phát triển nghề, khôi phục làng nghề được quan tâm, đến nay đã có 8 làng nghề truyền thống, 4 làng nghề và 11 nghề truyền thống được công nhận trong tổng số hơn 30 làng nghề toàn tỉnh. Một số làng nghề đã mạnh dạn đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ, cải tiến mẫu mã sản phẩm, mở rộng quy mô và thị trường, như: Mộc gia dụng, nước mắm, mỹ nghệ...; giá trị sản phẩm hàng hóa mỗi làng nghề hàng năm đạt từ 2,5-180 tỷ đồng; giải quyết việc làm cho 8.500 lao động, thu nhập bình quân 5,5 triệu đồng/tháng, góp phần đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

e) Nội dung 05: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hình thức tổ chức sản xuất trong đó, ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao liên kết theo chuỗi giá trị; thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy thực hiện bảo hiểm trong nông nghiệp

³⁹ Đến năm 2024 đã thực hiện thu tiền dịch vụ môi trường rừng đối với 05 cơ sở sản xuất thủy điện, 01 cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch, 01 cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, 03 cơ sở sản xuất công nghiệp; chi trả cho các đối tượng gồm: 10 chủ rừng tổ chức, 14 UBND xã và chủ rừng hộ gia đình thuộc 12 xã/05 huyện

- Toàn tỉnh hiện có 978 HTX ; trong đó 888 HTX đang hoạt động, 90 HTX ngừng hoạt động; năm 2024, thành lập mới 21 HTX, giải thể 70 HTX; trong đó, có đạt 41% HTX hoạt động tốt, khá; 32% HTX hoạt động đạt loại trung bình, 24% HTX hoạt động yếu kém. Có 42 HTX tham gia chương trình OCOP với 43 sản phẩm.

- Về thu hút khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: HĐND tỉnh đã ban hành các chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn tại Nghị quyết số 123/2018/NQ-HĐND, nay là Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 quy định chính sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022- 2025, trong đó có nhiều chính sách hỗ trợ để thu hút, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

f) Nội dung 06: Nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống kết nối, xúc tiến tiêu thụ nông sản; đa dạng hoá hệ thống kênh phân phối, tiêu thụ đảm bảo bền vững trước các biến động của thiên tai, dịch bệnh, trong đó ưu tiên phát triển thương mại điện tử; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thương mại nông thôn gắn với việc đáp ứng các tiêu chí cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn và đáp ứng nhu cầu thị trường:

Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan đã tổ chức tập huấn kỹ năng bán hàng trên sàn; phối hợp các sàn: Voso, Postmart chạy banner trang chủ; tổ chức các chương trình livestream quảng bá; phối hợp Bộ Công thương triển khai hiệu quả mô hình “Gian hàng Việt trực tuyến” đối với sản phẩm cam Hà Tĩnh và bưởi Phúc Trạch; tổ chức các sự kiện xúc tiến thương mại trực tuyến... Đến nay, có hơn 470 gian hàng sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản, với gần 700 sản phẩm lên sàn thương mại điện tử Hatiplaza.com, Hatinhtrade.com.vn, Voso, Postmart, Shopee, Lazada... quảng bá hình ảnh, thương hiệu, kết nối các gian hàng OCOP của tỉnh trên 10 sàn giao dịch thương mại điện tử các tỉnh trong cả nước..., kết quả tổng doanh thu bán lẻ trực tuyến của doanh nghiệp, hộ kinh doanh Hà Tĩnh trên sàn thương mại điện tử, mạng xã hội 3 năm gần đây đạt trên 250 tỷ đồng.

g) Nội dung 07: Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 – 2025

Sở Khoa học và Công nghệ đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; trong thời gian qua đã tập trung triển khai một số chính sách về khoa học công nghệ theo Nghị quyết số 95/2022/NQ-HĐND ngày 27/12/2022 của HĐND tỉnh; chính sách ứng dụng công nghệ sinh học theo Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh; triển khai các nhiệm vụ KHCN cấp bộ, Quốc gia (đã tiếp nhận và tổng hợp 13 đề xuất đề xuất thực hiện nhiệm vụ KHCN xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; triển khai thực hiện 08 dự án cấp bộ, cấp quốc gia) và cấp tỉnh (với 36 nhiệm vụ KHCN ứng dụng tiến bộ KHCN, công nghệ mới trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới)...

h) Nội dung 08: Thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 gắn với bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững, bao trùm và đa giá trị

Toàn tỉnh hiện có 18/40 khu, điểm du lịch được UBND tỉnh công nhận; lượt khách du lịch bình quân hàng năm từ 3,5 đến 4 triệu lượt/năm; các huyện, thị xã, thành phố triển khai mô hình du lịch cộng đồng; hoạt động du lịch gắn với di tích danh thắng, khai thác phát huy các giá trị di sản và phát triển theo hướng tăng trưởng xanh như: mô hình du lịch cộng đồng tại thôn Hoa Thị, xã Thọ Điền huyện Vũ Quang (*đã xây dựng nhà đón tiếp cộng đồng, các điểm check in, chòi phục vụ ăn uống, nhà vệ sinh, bãi đậu xe, và thành lập các tổ dịch vụ du lịch,...*); mô hình du lịch cộng đồng theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững tại thôn Phú Lâm, xã Phú Gia, huyện Hương Khê (*đã hoàn thiện hệ thống nhà chòi, cổng chào vào điểm du lịch, hệ thống điện chiếu sáng, biển chỉ dẫn, san gạt mặt bằng, ghép rọ đá dâng nước bãi tắm, chống sạt lở, hệ thống cây xanh, cây bóng mát, sân khấu biểu diễn văn nghệ và dịch vụ ăn uống, 05 homestay phục vụ khách du lịch*); Một số mô hình du lịch cộng đồng thu hút được du khách đến tham quan, trải nghiệm, như: Mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa và cây trồng bản địa tại thôn Làng Chè, xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn; mô hình du lịch cộng đồng tại xã Thạch Hạ, TP Hà Tĩnh, điểm du lịch Đông Trà, xã Hương Trà, huyện Hương Khê; điểm du lịch Di tích quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Nguyễn Du, huyện Nghi Xuân; điểm du lịch Đá bạc eco, xã Nam Điền, huyện Thạch Hà...

Các địa phương đã chủ động ban hành các chương trình kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình du lịch nông thôn; rà soát các địa điểm có tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp nông thôn và định hướng các mô hình du lịch cộng đồng trên địa bàn; tổ chức các lớp tập huấn, kỹ năng giao tiếp ứng xử văn hóa du lịch và nghiệp vụ du lịch cơ bản cho cộng đồng dân cư du lịch nông nghiệp nông thôn; thực hiện tuyên truyền quảng bá du lịch nông thôn trên địa bàn, xây dựng các Video clip, TVC để giới thiệu, quảng bá về tiềm năng điểm đến du lịch, các sản phẩm OCOP gắn với phát triển du lịch; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử huyện, Trang thông tin các xã, thị trấn và trên các nền tảng số du lịch. Quảng bá thương hiệu du lịch, tiềm năng, cơ hội đầu tư, phát triển các điểm/khu du lịch nông thôn của tỉnh trên các phương tiện truyền thông; Tổ chức đón 02 đoàn doanh nghiệp du lịch, cơ quan truyền thông với hơn 100 công ty lữ hành của các tỉnh, thành phố khảo sát sản phẩm du lịch nông thôn, tìm hiểu thông tin, quảng bá, tuyên truyền, giới thiệu về thương hiệu du lịch, mô hình du lịch nông thôn.

i) Nội dung 09: Tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường; hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo ở nông thôn

Quan tâm tập trung thực hiện các chính sách đào tạo nghề cho lao động nông thôn, nhất là việc chọn lựa ngành, nghề phù hợp với nhu cầu của người lao động, sau học nghề, nhiều người lao động có việc làm, có thu nhập ổn định; từ năm 2021 đến nay, đã tổ chức 141 lớp học nghề cho gần 4.687 lao động nông thôn; 04 lớp bồi dưỡng cho gần 200 lượt nhà giáo, cán bộ quản lý, người dạy

nghề⁴⁰; triển khai hoạt động tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, của chính quyền địa phương về chính sách đào tạo nghề bằng nhiều hình thức đa dạng như phóng sự tuyên truyền, pano,....

1.1.4 Nội dung thành phần số 04: Giảm nghèo bền vững, đặc biệt là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo: Triển khai đồng bộ, kịp thời các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tập trung vào hỗ trợ sinh kế, phát triển sản xuất, đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu và nâng cao chất lượng đời sống người dân nông thôn, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo.

a) Nội dung 01: Thực hiện có hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025:

- *Về Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025:* Chương trình mục tiêu quốc gia, giảm nghèo được triển khai đồng bộ, kịp thời, đã giúp người dân, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận được đầy đủ các chính sách hỗ trợ của Nhà nước như chính sách về hỗ trợ việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở, nước sinh hoạt và vệ sinh, thông tin và dịch vụ xã hội khác...Đã thực hiện chính sách hỗ trợ cho 25.000 lượt học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo, với số tiền 10.378.600 nghìn đồng; cấp 424.040 thẻ BHYT hộ nghèo, cận nghèo và hộ nông nghiệp có mức sống trung bình, với số tiền hơn 1.332.522 triệu đồng; hỗ trợ xây dựng 8.389 nhà ở với tổng kinh phí 566.338 triệu đồng; hỗ trợ trợ giúp pháp lý; hỗ trợ tiền điện cho 57.539 lượt hộ nghèo với tổng kinh phí hơn 38,48 tỷ đồng; 140.001 lượt hộ nghèo, cận nghèo và đối tượng chính sách xã hội vay vốn với tổng doanh số cho vay đạt 6.232.953 triệu đồng; hỗ trợ mô hình sinh kế giảm nghèo cho 1.368 hộ thoát nghèo...Đến cuối năm 2024, toàn tỉnh có 9.236 hộ nghèo (19.109 khẩu), tỷ lệ 2,40% (giảm 0,61% so với cuối năm 2023), 11.736 hộ cận nghèo (34.921 khẩu), tỷ lệ 3,04% (giảm 0,33% so với cuối năm 2023); tỷ lệ nghèo đa chiều: 20.972 hộ, (54.030 khẩu), tỷ lệ 5,44%.

- *Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030:* Tổng số lao động người dân tộc thiểu số được đào tạo nghề phù hợp: 734 người, tỷ lệ: 51%; chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, hằng năm thu hút 3% lao động sang làm việc các ngành, nghề; năng suất lao động xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023: 5,7%, năm 2024: 6,7%; tổng số hộ nông dân nữ người dân tộc thiểu số làm kinh tế nông - lâm hàng hóa: 576 hộ, tỷ lệ: 81,05%.

b) Nội dung 02: Triển khai hiệu quả các chính sách hỗ trợ nhà ở, xóa nhà tạm, dột nát; nâng cao chất lượng nhà ở dân cư:

Sau hơn 4 năm triển khai, toàn tỉnh đã thực hiện hoàn thành mục tiêu xóa 11.724 nhà tạm, nhà dột nát, tổng kinh phí huy động thực hiện chương trình đạt trên 836 tỷ đồng. Trong đó, chương trình xóa nhà tạm, nhà dột nát Thủ tướng

⁴⁰ với 04 chuyên đề: Bồi dưỡng chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm trình độ sơ cấp; Nâng cao kỹ năng dạy học; Đổi mới phương pháp dạy học kỹ thuật nghề nghiệp theo tiếp cận năng lực thực hiện; Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý dạy và học trong đào tạo nghề

Chính phủ phát động, Hà Tĩnh đã hỗ trợ xóa 2.281 căn, kinh phí huy động hơn 246 tỷ đồng từ ngân sách và các nguồn lực xã hội hóa.

1.1.5. Nội dung thành phần số 05: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe người dân nông thôn: Công tác nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và chăm sóc sức khỏe cho người dân nông thôn tiếp tục được triển khai đồng bộ, gắn kết chặt chẽ với mục tiêu phát triển bền vững và xây dựng NTM toàn diện.

a) Nội dung 1: Tiếp tục nâng cao chất lượng, phát triển giáo dục ở nông thôn, trong đó, chú trọng duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ năm tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục phổ thông cơ sở. Duy trì, củng cố chất lượng biết chữ mức độ 1; từng bước nâng cao tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi:

Công tác phát triển giáo dục nông thôn được chú trọng, đạt kết quả khá tích cực; phổ cập giáo dục, xóa mù chữ tiếp tục duy trì bền vững: đạt phổ cập giáo dục cho trẻ mầm non 5 tuổi, phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3; đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ đạt mức độ 2, tỷ lệ biết chữ mức độ 2 cho người lớn trong độ tuổi 15-60 tuổi: 99,9%. Hà Tĩnh tiếp tục khẳng định vị thế tốp đầu cả nước về chất lượng giáo dục đại trà và chất lượng giáo dục mũi nhọn. Kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 Hà Tĩnh xếp thứ 7 toàn quốc; được Bộ GDĐT kiểm tra công nhận tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2 (*hiện nay mới có 8 tỉnh thành trên toàn quốc đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2*).

b) Nội dung 02: Tăng cường chất lượng dịch vụ của mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo chăm sóc sức khỏe toàn dân; đẩy mạnh hệ thống theo dõi và khám chữa bệnh trực tuyến; đảm bảo hiệu quả phòng chống bệnh lây nhiễm, truyền nhiễm; cải thiện sức khỏe, dinh dưỡng của phụ nữ và trẻ em; nâng cao tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế

Thực hiện Chiến lược Quốc gia giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn 2030 và các nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân, ngành Y tế Hà Tĩnh đã triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng khám chữa bệnh (KCB) của tuyến huyện như: Thu hút, đào tạo, bồi dưỡng nhân lực; đầu tư trang thiết bị y tế hiện đại; ứng dụng công nghệ thông tin, đẩy mạnh cải cách hành chính, cải tiến quy trình KCB triển khai áp dụng nhiều kỹ thuật chẩn đoán và điều trị của tuyến trên.

Các dự án, chương trình mục tiêu y tế được triển khai có hiệu quả, công tác tiêm chủng mở rộng được triển khai đảm bảo an toàn, không có tai biến xảy ra liên quan đến tiêm chủng. Tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi đạt trên 95%. Thực hiện tốt hoạt động cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em; tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ em dưới 5 tuổi: 13,5%; tỷ suất chết trẻ < 1 tuổi: 2,5%; tỷ lệ người dân được lập hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử đạt >95%; tỷ lệ người dân tham gia BHYT > 95%. Tỷ lệ xã đạt Tiêu chí quốc gia về y tế đạt 100%

1.1.6 Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn: Công tác nâng cao đời sống văn hóa khu vực nông thôn tiếp tục được các địa phương quan tâm thực hiện, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc và nâng cao chất lượng cuộc sống tinh thần cho người dân nông thôn.

a) Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng, đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí, nâng cao sức khỏe cho người dân (nhất là trẻ em, phụ nữ và người cao tuổi). Phát động các phong trào thể dục thể thao, rèn luyện sức khỏe, văn hóa, văn nghệ quần chúng phù hợp với từng đối tượng, từng địa phương; nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hóa văn nghệ nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, vui chơi giải trí ở khu dân cư ngày càng sôi động; cấp cơ sở tổ chức các hội thi, hội diễn, hoạt động thi đấu, giao hữu thể thao gắn với các ngày lễ, tết, kỷ niệm, sự kiện diễn ra sôi nổi, thường xuyên...Các mô hình văn hóa, thể thao, gia đình được củng cố và nhân rộng theo hướng vừa diện rộng và vừa chiều sâu, thu hút đông đảo người dân tham gia. Đến nay, toàn tỉnh có 209 câu lạc bộ Dân ca Ví, Giặm; hơn 3000 câu lạc bộ văn nghệ, thể thao cấp xã, thôn, hàng nghìn CLB văn nghệ, thể thao các ngành, đoàn thể, trường học hoạt động thường xuyên...Phong trào xây dựng Gia đình văn hóa, Thôn, tổ dân phố văn hóa, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, tổ dân phố văn minh kiểu mẫu, xã, phường, thị trấn tiêu biểu, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa được đẩy mạnh; toàn tỉnh hiện có 95,08% gia đình văn hóa, 98,57% thôn, tổ dân phố văn hóa...Cơ sở vật chất văn hóa, thể thao cơ sở tiếp tục được đầu tư hoàn thiện, 100% xã, phường, thị trấn được phê duyệt quy hoạch bài bản, định hướng phát triển theo quy mô, diện tích đáp ứng cho việc xây dựng NTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; 100% thôn, tổ dân phố có nhà văn hóa - khu thể thao; 100% xã, phường, thị trấn có nhà văn hóa, sân vận động từ 10.000 m² và điểm vui chơi giải trí quy mô từ 1000m² trở lên. 12/13 đơn vị cấp huyện có Trung tâm văn hóa...Các giá trị văn hóa ngày càng phát huy hiệu quả trở thành nền tảng vững chắc trong phong trào xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Năm 2024, có 01 di tích xếp hạng di tích Quốc gia đặc biệt (Mộ và Khu lưu niệm Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác), 6 di tích Quốc gia và 14 di tích cấp tỉnh. Tổng số di tích xếp hạng hiện có là 680 di tích, trong đó 03 di tích quốc gia đặc biệt, 92 di tích quốc gia và 585 di tích cấp tỉnh. Thực hiện nếp sống văn minh trong cưới, tang, lễ hội, mừng thọ, lễ, tết ngày càng được các tầng lớp nhân dân nhận thức tốt hơn; 100% thôn, tổ dân phố có hương ước, quy ước được phê duyệt; có 1.932 tổ hòa giải, với 13.393 thành viên; tham gia hòa giải thành 669/775 vụ việc (đạt trên 86%), góp phần giải quyết những mâu thuẫn, tranh chấp nảy sinh từ cơ sở, giữ gìn đoàn kết tình làng nghĩa xóm, hạn chế khiếu kiện vượt cấp, vụ việc vi phạm pháp luật ở cộng đồng dân cư.

b) Nội dung 02: Tăng cường kiểm kê, ghi danh các di sản văn hóa; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; nghiên cứu, mở rộng mô hình kết nối văn hóa truyền thống và văn hóa mới, đảm bảo đa dạng về văn hóa vùng miền, dân tộc phục vụ phát triển du lịch.

Kiểm kê được 10.000 di tích, trong đó, có 680 di tích đã xếp hạng (gồm: 03 di tích Quốc gia đặc biệt, 92 di tích Quốc gia và 585 di tích cấp tỉnh); công tác nghiên cứu, khai quật khảo cổ học được quan tâm triển khai và thu được nhiều kết quả tích cực như: khai quật Lũy đá cổ tại xã Kỳ Lạc - huyện Kỳ Anh, di chỉ khảo cổ học Cồn Sò tại xã Thạch Lạc - huyện Thạch Hà, di chỉ Phôi Phôi - Bãi Cọi tại xã Xuân Viên, cảng Hội Thống - huyện Nghi Xuân... nhiều hiện vật, tư liệu quý phục vụ nghiên cứu khoa học và định hướng phát triển nền văn hóa Hà Tĩnh. Nhiều di tích cấp tỉnh được hỗ trợ, chống xuống cấp và tôn tạo bằng nguồn vốn của Trung ương, của tỉnh và huy động xã hội hóa; nhiều nhà thờ danh nhân gắn với dòng họ và các chùa cổ, đền thờ gắn với tín ngưỡng dân gian được trùng tu, tôn tạo, bảo vệ theo quy định của pháp luật. 100% di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh được quản lý, bảo tồn, trùng tu, tôn tạo kịp thời nhằm giáo dục giá trị văn hóa truyền thống, phát huy bản sắc văn hóa của địa phương.

Văn hóa phi vật thể và các hình thức sinh hoạt cộng đồng được phát triển cả về số lượng lẫn chất lượng. Ca Trù, Trò Kiều ở Nghi Xuân, hát sắc bùa ở Kỳ Anh, ví Phường vải ở Can Lộc, hát giặm ở Thạch Hà, ví Đò đưa ở Đức Thọ, lễ hội Cầu Ngư Nhượng Bạ ở Cẩm Xuyên...; các lễ hội truyền thống như đua thuyền ở xã Trung Lương, thị trấn Hương Khê, xã Cẩm Nhượng... lễ hội Báo ân Đô đài Ngự sử Bùi Cầm Hổ ở Hồng Lĩnh, lễ hội chùa Hương Tích ở huyện Can Lộc, lễ hội Đền Chế thắng Phu nhân Nguyễn Thị Bích Châu ở huyện Kỳ Anh, lễ hội Đền Chiêu Trưng Đại vương Lê Khôi ở huyện Thạch Hà, lễ hội Hải Thượng Lãn Ông... được khôi phục và phát huy; Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh là di sản được UNESCO ghi vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Ca Trù ghi vào di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại cần được bảo vệ khẩn cấp; Mộc bản Trường học Phúc Giang, Hoàng Hoa sứ trình đồ và văn bản Hán nôm làng Trường Lưu được ghi vào danh mục di sản tư liệu ký ức thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Toàn tỉnh có 03 Nghệ nhân nhân dân, 23 Nghệ nhân ưu tú; 200 câu lạc bộ Dân ca Ví, Giặm cấp xã và hàng nghìn câu lạc bộ, đội dân ca Ví, Giặm ở thôn, tổ dân phố, trường học, bệnh viện, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoạt động thường xuyên; 02 CLB ca Trù, 03 CLB Trò Kiều, 05 câu lạc bộ Sắc bùa. Liên hoan Dân ca Ví, Giặm từ cơ sở đến cấp tỉnh và định kỳ hai năm/lần tổ chức liên hoan cấp liên tỉnh Hà Tĩnh - Nghệ An.

1.1.7 Nội dung thành phần số 07: Nâng cao chất lượng môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam: Công tác bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn được tập trung chỉ đạo, ưu tiên ngân sách đầu tư nâng cấp xây dựng các công trình nước sạch tập trung, nâng cao tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch; xây dựng khu dân cư NTM kiểu mẫu ngày càng đi vào chiều sâu, tạo cảnh quan môi trường xanh sạch đẹp. *a) Nội dung 01: Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển,*

nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh: UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý Chất thải rắn (CTR) sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo và chỉ đạo các ngành, địa phương tổ chức thực hiện Đề án, tập trung các giải pháp hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải CTR. UBND tỉnh đã chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư nhà máy điện rác tại Quyết định số 28/QĐ-UBND ngày 11/7/2024.

b) Nội dung 02: Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) theo nguyên lý tuần hoàn; tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa trong hoạt động sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp ở Việt Nam; xây dựng cộng đồng dân cư không rác thải nhựa:

+ Công tác Thu gom, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải (phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi, bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng, chất thải nhựa...) được quan tâm thực hiện, nhất là việc xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật, hiện toàn tỉnh có 5.191 bể chứa, 6920kg bao gói thuốc BVTV được thu gom xử lý đúng quy định. Xây dựng được hơn 13.600 bể biogas xử lý chất thải chăn nuôi, một số trang trại đã đầu tư máy tách ép phân, áp dụng công nghệ xử lý sinh học MBBR. Các hộ chăn nuôi đã sử dụng các chế phẩm men sinh học (EM, Balasa N01 ...) vào nước thải, dùng phun vào chuồng nuôi, vào chất thải để giảm mùi hôi, dùng trộn vào thức ăn; một số hộ áp dụng quy trình chăn nuôi trên đệm lót sinh học...Phế phụ phẩm nông nghiệp (sản xuất trồng trọt): có trên 80% phế phụ phẩm trồng trọt (rơm rạ, thân cây,...) được sử dụng phục vụ làm thức ăn chăn nuôi, làm phân xanh và chất độn chuồng,...không có hiện tượng vứt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường.

Về "xây dựng cộng đồng không rác thải nhựa" UBND tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch về triển khai thực hiện phong trào “Chống rác thải nhựa” trên địa bàn tỉnh; chỉ đạo tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa, tập trung thực hiện theo Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20/8/2020; ban hành Kế hoạch thông tin, tuyên truyền phòng chống rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025. Đến nay, theo số liệu thống kê, lượng rác thải nhựa phát sinh trên địa bàn tỉnh khoảng 6,46 tấn/ngày, lượng rác thải nhựa được thu gom, xử lý khoảng: 5,57 tấn/ngày được thu gom, xử lý (đạt tỷ lệ 86,2%).

c) Nội dung 03: Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm; sử dụng hiệu quả và tiết kiệm các nguồn tài nguyên:

Đã triển khai các giải pháp để kiểm soát chặt chẽ nguồn thải; đối với các cơ sở có phát sinh lượng nước thải lớn⁴¹ tỉnh đã yêu cầu lắp đặt hệ thống quan trắc tự động nước thải, kết nối và truyền số liệu quan trắc tự động nước thải về Trung tâm điều hành hệ thống quan trắc tự động tại Sở Tài nguyên và Môi trường để theo dõi,

⁴¹ Công ty FHS, Công ty Điện lực dầu khí Hà Tĩnh, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh

giám sát theo đúng quy định. Tỉnh cũng đã tập trung nguồn lực đầu tư hệ thống xử lý nước thải cho các KCN (KCN Vũng Áng và KCN Gia Lách); yêu cầu các KCN, CCN đầu tư mới phải đầu tư hoàn thiện hạ tầng bảo vệ môi trường trước khi đi vào hoạt động (KCN Phú Vinh, CCN Yên Huy, CCN Công Khánh 2, CCN Xuân Lĩnh). Đến nay có 03/04 KCN đang hoạt động đã hoàn thành xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung; 07/21 CCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung (tỷ lệ này trước năm 2017 chỉ có 03/19 CCN). Đối với các cơ sở sản xuất nằm ngoài KCN, CCN hoặc trong các KCN, CCN chưa có hệ thống xử lý nước thải tập trung thì phải đầu tư hệ thống xử lý nước thải để xử lý đạt QCVN trước khi thải ra nguồn tiếp nhận và thực hiện báo cáo quan trắc môi trường định kỳ theo quy định. Qua theo dõi, giám sát chất lượng nước thải của các cơ sở sản xuất công nghiệp thời gian qua cho thấy hầu hết đều đạt QCVN.

Công tác quản lý, giảm thiểu ô nhiễm môi trường do hoạt động chăn nuôi được tăng cường, đến nay, toàn tỉnh có 82 trang trại chăn nuôi đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường/Đề án BVMT chi tiết, 211/249 cơ sở lập cam kết BVMT/kế hoạch BVMT đã được cấp tỉnh, huyện phê duyệt đạt 84,7%.

d) Nội dung 04: Cải tạo nghĩa trang phù hợp với cảnh quan môi trường; xây dựng mới và mở rộng các cơ sở mai táng, hỏa táng phải phù hợp với các quy định và theo quy hoạch:

Sau khi các Bộ tiêu chí giai đoạn mới ban hành, căn cứ Hướng dẫn của Bộ Xây dựng, tỉnh đã chỉ đạo các nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) được quy hoạch, đầu tư xây dựng phải thực hiện theo đúng các quy định, hướng dẫn các địa phương thực hiện đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ Khu vực mộ đến công trình nhà ở tại đô thị và điểm dân cư nông thôn tập trung: 500m (đối với nghĩa trang chôn 1 lần); 100m (đối với khu vực mộ nghĩa trang cát táng) và đảm bảo quy định khoảng cách từ khu vực mộ đến điểm lấy nước phục vụ nhu cầu sinh hoạt, đường sắt, Quốc lộ, Tỉnh lộ, sông hồ....Đối với việc quy hoạch, đầu tư nghĩa trang phải đảm bảo quy định về khoảng cách an toàn môi trường tại Văn bản quy phạm pháp luật nêu trên là bắt buộc; trong quá trình lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch Chung các xã, quy hoạch phân khu chức năng và quy hoạch chi tiết xây dựng phải tuân thủ. Hiện nay các địa phương đang tập trung tổ chức thực hiện các nội dung theo quy định.

e) Nội dung 05: Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; tăng tỷ lệ trồng hoa, cây xanh phân tán gắn với triển khai Đề án trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025 đã được phê duyệt tại Quyết định số 524/QĐ-TTg ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu:

Hàng năm, tỉnh ban hành văn bản, kế hoạch triển khai Chỉ thị “Tết trồng cây đời đời nhớ ơn Bác Hồ” trên địa bàn toàn tỉnh; hỗ trợ cây giống cây xanh phân tán trên địa bàn từ các nguồn như Kế hoạch Bảo vệ rừng hằng năm, Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững, nguồn thu Dịch vụ môi trường rừng; đẩy mạnh việc xã hội hóa về phát triển cây xanh phân tán. Giai đoạn từ năm 2021-2024, toàn tỉnh đã trồng được 17,23 triệu cây xanh phân tán, bình quân 3,44 triệu cây/năm.

Tập trung chỉ đạo thực hiện có hiệu quả đề án 1 tỷ cây xanh giai đoạn 2021-2025 của Chính phủ được phê duyệt tại Quyết định 524/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 (UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 459/KH-UBND về thực hiện Kế hoạch Đề án trên địa bàn tỉnh); đối với các địa phương, đã có sự quan tâm và bố trí kinh phí trồng bổ sung cây xanh tại các điểm công cộng, đến nay 169/169 xã có đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn đạt từ 2m²-4,7m²/người, 10/10 huyện có đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn 2m² - 4,2 m.

Phong trào xây dựng Khu dân cư mẫu, vườn mẫu tiếp tục được các địa phương tập trung chỉ đạo và triển khai thực hiện, đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần cải thiện cảnh quan môi trường, xây dựng cảnh quan xanh sạch đẹp; đến nay toàn tỉnh có 1.233 thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu.

f) Nội dung 06: Tăng cường quản lý an toàn thực phẩm tại các cơ sở, hộ gia đình sản xuất, kinh doanh thực phẩm; đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản; cải thiện vệ sinh hộ gia đình:

Toàn tỉnh có 632 cơ sở sản xuất kinh doanh nông lâm thủy sản thuộc diện cấp Giấy chứng nhận ATTP, số cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận ATTP còn hiệu lực là 623 cơ sở (đạt tỷ lệ 98,42%) và 29.861/31.721 cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm ký cam kết sản xuất kinh doanh thực phẩm an toàn (đạt tỷ lệ 94,14%). Công tác giám sát đảm bảo ATTP, phòng chống ngộ độc thực phẩm được triển khai chặt chẽ, đảm bảo không xảy ra ngộ độc thực phẩm tại các cơ sở phục vụ các hội nghị, sự kiện lớn diễn ra trên địa bàn tỉnh...do làm tốt công tác quản lý ATTP nên trên địa bàn tỉnh những năm gần đây không ghi nhận các vụ ngộ độc tập thể trên 30 người mắc, không có trường hợp tử vong do ngộ độc thực phẩm

Về đảm bảo vệ sinh môi trường tại các cơ sở chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, hàng năm Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thành lập tổ công tác phối hợp với các địa phương kiểm tra môi trường, phân công cán bộ trực tiếp quản lý địa bàn, thường xuyên bám sát cơ sở, phối hợp với các địa phương hướng dẫn quy trình nuôi, quản lý môi trường ao nuôi và phòng chống dịch bệnh.

g) Nội dung 07: Triển khai hiệu quả Chương trình “Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025”:

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 15/01/2023 về kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023 – 2025.

Về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản: việc thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các tổ chức, cá nhân sản xuất-kinh doanh được tăng cường, đặc biệt tập trung vào công tác thanh tra đột xuất, hậu kiểm để kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm về chất lượng, ATTP; từ năm 2021 đến nay đã tiến hành kiểm tra đối với 4.467 lượt cơ sở, lấy 1374 mẫu VTNN và thực phẩm để kiểm tra các chỉ tiêu chất lượng, ATTP, phát hiện và xử lý 217 cơ sở vi phạm với tổng số tiền 807,73 triệu đồng. Đến nay có 19.927/20743 cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản tuân thủ

các quy định về an toàn thực phẩm, đạt tỷ lệ 96,07% (mục tiêu đến hết năm 2025 là 100%).

Về cấp nước sạch: định kì hàng tuần Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường tỉnh thực hiện kiểm tra, xét nghiệm các mẫu nước đầu vào và đầu ra, nước thải để kiểm soát và điều chỉnh lượng hóa chất đảm bảo đúng quy định, chất lượng cho phép để cấp cho người dân sử dụng an toàn. Đồng thời kiểm định ngoại kiểm mỗi năm một lần về chất lượng nước của 07 nhà máy cấp nước. Cấm mốc chỉ giới, biển cảnh báo tại các hành lang bảo vệ nguồn nước tại xung quanh các điểm lấy nước, khu vực nhà máy theo quy định của pháp luật. Thường xuyên kiểm tra tình trạng của mốc chỉ giới, biển cảnh báo và tình hình xung quanh vùng bảo hộ nguồn nước. Định kì hàng tuần, hàng tháng các tổ cấp nước sẽ kiểm tra thu gom rác thải xung quanh khu vực lấy nước. Không để xảy ra hiện tượng rác thải tồn ứ tại đầu điểm lấy nước. Đặt lồng chắn rác ở đầu các đường ống tại khu vực lấy nước. Về công tác xử lý chất thải tại các nhà máy đã xây dựng hệ thống bể chứa, hồ sơ lắng bùn. Định kỳ hàng tháng kiểm tra, nạo vét, chôn lấp đúng quy định.

1.1.8 Nội dung thành phần số 08: Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các dịch vụ hành chính công; nâng cao chất lượng hoạt động của chính quyền cơ sở; thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong NTM, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số, xây dựng NTM thông minh; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân; tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới: Công tác nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị địa phương, cải cách hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số và thực hiện các mục tiêu xã hội về tiếp cận pháp luật, bình đẳng giới đã được triển khai đồng bộ, lồng ghép trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM.

a) Nội dung 01: Triển khai đề án về đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, năng lực quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông thôn cho cán bộ, công chức xã theo quy định, đáp ứng yêu cầu xây dựng NTM

Công tác đào tạo, bồi dưỡng Cán bộ công chức viên chức được quan tâm; UBND tỉnh ban hành các Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC hàng năm⁴², ban hành Quyết định số 34/2024/QĐ-UBND ngày 27/11/2024 về Quy chế đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Hà Tĩnh; HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND về một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025. Kết quả từ 2021 đến nay đã cử nhiều cán bộ, công chức tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức^{43, 44} và cử CBCCVC tham gia các lớp tập huấn

⁴² Kế hoạch số 64/KH-UBND ngày 08/3/2021; số 115/KH-UBND ngày 18/4/2022; số 85/KH-UBND ngày 24/3/2023; số 59/KH-UBND ngày 05/02/2024

⁴³ Kết quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức năm 2021 - 2022: UBND tỉnh quyết định cử 06 công chức tham gia lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp. Tổ chức 03 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính cho 144 cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC); 09 lớp bồi dưỡng quản lý nhà nước ngạch chuyên viên cho 445 CBCCVC. 01 lớp, 67 CBCCVC dự bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp phòng, tương đương. 13 CBCCVC dự bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo quản lý cấp sở, tương đương.

Năm 2022, có tổng số: 4.504 lượt các đối tượng sau (CBCC, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn,

do Bộ Nội vụ tổ chức⁴⁵.

b) Nội dung 02: Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các dịch vụ hành chính công nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh); gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam; bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn

- *Về giải quyết thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, công khai và hiệu quả ở các cấp (xã, huyện, tỉnh):* Tỷ lệ hồ sơ TTHC toàn trình phát sinh hồ sơ trực tuyến/tổng số hồ sơ TTHC toàn trình có phát sinh hồ sơ đạt 91,96%. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử (hồ sơ nộp trực tuyến) là 372.142/503.557 hồ sơ đạt tỷ lệ 73,9% (trong đó: cấp tỉnh 136.446/198.394 hồ sơ, đạt tỷ lệ 68,78%; cấp huyện 46.461/53.230 hồ sơ, đạt 87,28%; cấp xã 189.235/251.933 hồ sơ, đạt 75,11%. Riêng Hồ sơ thực hiện theo mức độ Dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 145.916/197.687 hồ sơ đạt tỷ lệ 73,81%. (trong đó: cấp tỉnh 44.091/82.974 hồ sơ, đạt tỷ lệ 53,14%; cấp huyện 19.349/20.604 hồ sơ, đạt 93,91%; cấp xã 82.476/94.109 hồ sơ, đạt 87,64%.

- *Về việc gắn mã, cập nhật, thông báo và gắn biển địa chỉ số cho từng hộ gia đình và các cơ quan, tổ chức trên địa bàn nông thôn gắn với bản đồ số Việt Nam:* Hiện nay, một số dữ liệu đã được Bưu điện tỉnh bàn giao cho Sở Thông tin và Truyền thông; các địa phương đã đăng ký tài khoản để chủ động triển khai việc gắn mã, cập nhật, thông báo địa chỉ số tại địa phương; việc triển khai sẽ từng bước hướng dẫn thực hiện trong thời gian tới. Đối với việc gắn biển địa chỉ số, hiện nay, theo chỉ đạo từ Bộ Thông tin và Truyền thông đang dừng thực hiện.

- *Bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp cận thông tin cho người dân nông thôn:* Đã triển khai 8 lớp đào tạo với số lượng hơn 1000 người dân góp phần nâng cao bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin cho cán bộ cấp xã; phổ biến kiến thức, nâng cao kỹ năng số và năng lực tiếp

tổ dân phố) đã được đào tạo, bồi dưỡng; 2.096 lượt CBCC cấp huyện trở lên được đào tạo, bồi dưỡng.

Năm 2023, có tổng số: 6136 lượt các đối tượng sau (CBCC, người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, thôn, tổ dân phố) đã được đào tạo, bồi dưỡng; 2.072 lượt CBCC cấp huyện trở lên được đào tạo, bồi dưỡng.

Năm 2024, tham mưu UBND tỉnh cử 42 viên chức đi đào tạo theo chính sách của tỉnh; rà soát, thẩm định, tham mưu ban hành quyết định triệu tập đối tượng tham gia bồi dưỡng kiến thức QP và AN 03 lớp cho 274 CBCCVC; cập nhật kiến thức QP và AN 02 lớp cho 187 CBCCVC; 01 lớp cho 72 chức sắc, chức việc tôn giáo.

⁴⁴ Năm 2024, tổ chức 01 lớp bồi dưỡng ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương cho 35 học viên; 02 lớp chuyên viên chính và tương đương cho 71 học viên; 06 lớp chuyên viên và tương đương cho 392 học viên; 13 lớp Trung cấp lý luận cho 613 học viên; 02 lớp lãnh đạo cấp phòng cho 118 học viên; 04 lớp cập nhật kiến thức, kỹ năng cho lãnh đạo quản lý cấp phòng và tương đương cho 657 học viên; 01 lớp tiếng Lào, cấp chứng chỉ cho 15 học viên; 01 lớp về Hệ Thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện và hướng dẫn tính chỉ tiêu Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn cấp huyện cho 91 học viên.

⁴⁵ Năm 2024, có 05 CBCC nữ lãnh đạo, quản lý tham gia lớp tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng lãnh đạo, quản lý cho nữ lãnh đạo cấp sở, lãnh đạo chủ chốt cấp huyện; 03 công chức tham gia tập huấn Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số; 02 công chức tham gia tập huấn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới.

cận thông tin cho người dân nông thôn trên địa bàn tỉnh....; Ngoài ra, đã lồng ghép nội dung kiến thức, kỹ năng số và ATTT trong chương trình tập huấn kỹ năng sử dụng CNTT, chuyển đổi số cho cán bộ người dân, doanh nghiệp cấp xã với số lượng trung bình 40 lớp/năm (trong 3 năm có hơn 7200 người tham gia).

c) Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 – 2025

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tài chính, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh ban hành Kế hoạch Kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện năm 2024 đối với Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025; Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình thực hiện năm 2024 đối với Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025; ban hành Văn bản đôn đốc thực hiện Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2025 (Văn bản số 3533/SNN-PTNT ngày 30/10/2024); chỉ đạo triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã thương mại điện tử Kỳ Phú. Sở Thông tin và Truyền thông ban hành Công văn số 698/STTT-CNTT&BCVT ngày 17/5/2024 về hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình xã nổi trội về chuyển đổi số; xã thông minh; xã chuyển đổi số hướng tới nông thôn mới thông minh. Đến nay, Sở Khoa học và Công nghệ đã đánh giá: có 10 thôn thông minh tại 10 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu; có 2 mô hình xã thông minh tại xã: Xuân Thành – huyện Nghi Xuân, Tùng Ảnh – huyện Đức Thọ

d) Nội dung 04: Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn

Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật được triển khai đa dạng, phong phú, kết hợp có hiệu quả giữa các hình thức tuyên truyền pháp luật truyền thống và các hình thức mới, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác này. Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã khai thác hiệu quả mạng xã hội Zalo, Facebook... phục vụ công tác phổ biến giáo dục pháp luật (PBGDPL), chú trọng đầu tư nâng cấp Cổng/Trang thông tin điện tử của đơn vị mình. Từ năm 2021 đến nay, Sở Tư pháp đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng 48 Chương trình Pháp luật và Đời sống phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; In ấn, phát hành 8.000 cuốn Bản tin Tư pháp. In ấn 4.000 cuốn tài liệu, 20.000 tờ gấp pháp luật để các địa phương, đơn vị khai thác, sử dụng phục vụ công tác PBGDPL, tổ chức 10 Hội nghị tập huấn cho đội ngũ báo cáo viên cấp tỉnh, 28 Hội nghị tập huấn cho đội ngũ tuyên truyền viên ở cơ sở; tổ chức 03 Cuộc thi tìm hiểu pháp luật trực tuyến. Công tác xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật được quan tâm, đẩy mạnh thực hiện bằng các hoạt động thiết thực, hiệu quả, năm 2023 có 211/216 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Về công tác hòa giải ở cơ sở, từ năm 2021 đến nay, Sở Tư pháp đã tích cực phối hợp với UBND các cấp tổ chức 45 cuộc tập huấn, bồi dưỡng nâng cao kiến thức pháp luật và kỹ năng cho đội ngũ hòa giải viên; đặc biệt, đã tổ chức thành

công Hội thi Hòa giải viên giỏi năm 2023 trên địa bàn toàn tỉnh; các địa phương đã chú trọng củng cố và kiện toàn các Tổ hòa giải và đội ngũ hòa giải viên, toàn tỉnh có 1.964 tổ hòa giải với 13.031 hòa giải viên ⁴⁶, thông qua hoạt động hòa giải đã góp phần duy trì, củng cố sự đoàn kết trong nội bộ Nhân dân, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, phát huy đạo lý, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, nâng cao ý thức tôn trọng pháp luật, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật trong cộng đồng dân cư.

e) Nội dung 05: Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý

Từ năm 2021 đến nay, Sở Tư pháp đã chỉ đạo Trung tâm Trợ giúp pháp lý (TGPL) Nhà nước thực hiện 1.300 vụ việc TGPL, trong đó, tư vấn hướng dẫn pháp luật 459 vụ việc, đại diện ngoài tố tụng 10 vụ việc, tham gia tố tụng 831 vụ việc (Trung bình mỗi năm thực hiện 222 vụ việc, tăng gấp gần 1,5 lần so với trung bình hàng năm của giai đoạn 2016-2020). Ngoài ra, Sở Tư pháp chỉ đạo Trung tâm biên soạn, in ấn hơn 141.000 tờ rơi, tờ gấp giới thiệu về Trung tâm Trợ giúp pháp lý, một số nội dung về trợ giúp pháp lý và tài liệu pháp luật liên quan đến các lĩnh vực pháp luật thiết yếu cho người dân như pháp luật về đất đai, dân sự, hôn nhân và gia đình, pháp luật về chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân, bảo trợ xã hội, pháp luật về chính sách đối với người khuyết tật... Triển khai lắp thay thế, lắp mới 98 Bảng thông tin, Hộp tin trợ giúp pháp lý tại trụ sở các cơ quan tiến hành tố tụng, trụ sở UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh; đồng thời, xây dựng chuyên mục phát thanh “Trợ giúp pháp lý với người dân”... Qua hoạt động truyền thông về trợ giúp pháp lý, tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật cho người dân, thông tin về trợ giúp pháp lý được truyền tải rộng rãi đến tận thôn, xóm, đa số người dân đều nắm bắt về đối tượng và quyền được trợ giúp pháp lý theo quy định. Nhận thức về quyền được trợ giúp pháp lý của người dân, đặc biệt là các đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý - chủ yếu là các đối tượng yếu thế được nâng cao, nhiều trường hợp chủ động đề nghị được trợ giúp pháp lý. Từ đó, tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý của người được trợ giúp pháp lý, đảm bảo tính nhân đạo của Đảng, Nhà nước..

f) Nội dung 06: Tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; tăng cường chăm sóc, bảo vệ trẻ em và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức chương trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật như: “Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bình đẳng giới và phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới” cho hơn 300 cán bộ, hội viên phụ nữ trên địa bàn huyện Hương Sơn; phối hợp với Liên đoàn Lao động tỉnh và Sở Tư pháp tổ chức tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật cho gần 300 đại biểu là lãnh đạo quản lý, nữ công nhân lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn

⁴⁶ Giai đoạn 2021 -2024, các tổ hòa giải tiếp nhận 2.175 vụ việc hòa giải, trong đó hòa giải thành 1.907 vụ việc (đạt gần 88%).

tỉnh,...Thực hiện rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giới trên các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; lồng ghép giới trong xây dựng, thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và các chương trình, đề án, dự án, chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của sở, ngành, địa phương. Rà soát, đánh giá tình hình cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý để đề xuất xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch và sử dụng cán bộ nữ theo lộ trình phù hợp với điều kiện của cơ quan, địa phương; tham mưu, phối hợp trong công tác chuẩn bị nhân sự cho đại hội đảng các cấp nhiệm kỳ 2025 – 2030 và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 – 2031. Tổ chức các lớp tập huấn nghiệp vụ, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công tác bình đẳng giới, vì sự tiến bộ của phụ nữ, phòng, chống bạo lực trên cơ sở giới cho đội ngũ làm công tác bình đẳng giới trong các lĩnh vực, ngành, đoàn thể, đơn vị, địa phương; tập huấn cho cán bộ nữ lãnh đạo, quản lý; nữ trong diện quy hoạch chức danh lãnh đạo, quản lý, nữ đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Hàng năm Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ tỉnh chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, thành lập các đoàn kiểm tra, giám sát việc thực hiện Luật Bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ ở các cấp, các ngành.

1.1.9 Nội dung thành phần số 09: Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng NTM: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hà Tĩnh và các tổ chức chính trị – xã hội đã phát huy tốt vai trò của mình thông qua thực hiện các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, đã góp phần tạo sự đồng thuận xã hội, phát huy nội lực trong nhân dân và nâng cao chất lượng thực hiện các tiêu chí NTM.

a) Nội dung 01: Tiếp tục tổ chức triển khai Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”; nâng cao hiệu quả thực hiện công tác giám sát và phản biện xã hội trong xây dựng NTM; tăng cường vận động, phát huy vai trò làm chủ của người dân trong xây dựng NTM; nâng cao hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng NTM mới, đô thị văn minh.

Từ năm 2021 đến nay, Mặt trận Tổ quốc các cấp đã vận động, hỗ trợ làm mới và sửa chữa hơn 6.796 nhà ở trị giá hơn 498 tỷ đồng, hỗ trợ hơn 7.000 mô hình sinh kế trị giá hơn 17,5 tỷ đồng. Quỹ “Vì người nghèo” các cấp đã vận động được hơn 220 tỷ đồng, hỗ trợ cho hàng nghìn hộ nghèo, hộ cận nghèo làm mới và sửa chữa nhà ở, hỗ trợ vốn phát triển sản xuất để phát triển sinh kế, tặng quà Tết, hỗ trợ đột xuất, khám, chữa bệnh và hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó học giỏi, góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn toàn tỉnh còn 2,04% hộ nghèo, 3,04% hộ cận nghèo; tổ chức hiệu quả việc lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới tại các xã đề xuất đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn NTM, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; phát huy vai trò giám sát và vận động Nhân dân tham gia giám sát, tập trung vào các nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và các tầng lớp Nhân dân.

b) Nội dung 02: Triển khai hiệu quả phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”;

xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”:

Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững của các cấp Hội Nông dân trong tỉnh được quan tâm chỉ đạo, trở thành một phong trào thi đua sôi nổi của Hội. Nhiều hộ nông dân sản xuất, kinh doanh giỏi đã ủng hộ, đóng góp hàng trăm triệu đồng cho các quỹ ở địa phương, trở thành hạt nhân có uy tín trong cộng đồng cư dân nông thôn. Các cấp Hội làm tốt công tác xây dựng, tăng trưởng nguồn vốn giúp nông dân có vốn để phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao thu nhập, làm giàu và giảm nghèo bền vững. Hội đã huy động đã huy động hàng trăm nghìn ngày công, tham gia, đóng góp xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, các công trình phúc lợi, hỗ trợ xây dựng vườn mẫu, chỉnh trang vườn hộ, khu dân cư mẫu....

c) Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025”:

Hội LHPN các cấp đã chủ trì, phối hợp với các ngành chuyên môn tổ chức 81 lớp đào tạo nghề, 460 lớp tập huấn khởi sự kinh doanh, chuyển giao khoa học kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin để sản xuất, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm; thành lập mới 1.580 mô hình kinh tế có thu nhập trên 100 triệu đồng; thành lập 125 THT, 8 HTX; hỗ trợ 51 sản phẩm do phụ nữ làm chủ đạt OCOP 3 sao trở lên. Đồng thời, kết nối, hỗ trợ 170 lượt doanh nghiệp, HTX, THT, hộ kinh doanh tham gia các hội chợ quảng bá, giới thiệu sản phẩm đến với nhân dân trong và ngoài tỉnh.

d) Nội dung 04: Thúc đẩy chương trình khởi nghiệp, thanh niên làm kinh tế; triển khai hiệu quả Chương trình trí thức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng NTM:

Chương trình đã nâng cao nhận thức, khát vọng khởi nghiệp, phát triển năng lực khởi nghiệp của thanh niên tỉnh nhà đối với sự phát triển kinh tế - xã hội; kiến tạo môi trường hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp, đóng góp vào quá trình thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Các cấp Hội đoàn đã tổ chức hỗ trợ xây dựng và ra mắt hơn 600 mô hình kinh tế thanh niên, tổ chức 258 lớp tư vấn hướng nghiệp cho 170.000 đoàn viên thanh niên, giới thiệu việc làm cho hơn 60.000 thanh niên nông thôn; thành lập gần 1.000 đội thanh niên tình nguyện tham gia các hoạt động xây dựng NTM.

e) Nội dung số 05: Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”:

Các cấp Hội phụ nữ trong toàn tỉnh đã triển khai nhiều phong trào thi đua, nhiều hoạt động thiết thực nhằm hỗ trợ phụ nữ xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Đặc biệt, Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch" với ý nghĩa xã hội sâu sắc đã được triển khai đồng bộ, hiệu quả trong toàn tỉnh, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của hội viên, phụ nữ và đóng góp tích cực vào nhiệm vụ trọng tâm của Hội cũng như việc xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh. Giai đoạn 2021-2025 đã thành lập 490 CLB

“Gia đình 5 có - nông thôn mới kiểu mẫu” với gần 16.500 thành viên tham gia.

1.1.10 Nội dung thành phần số 10: Giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn: Các địa phương đã triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm an ninh, trật tự ngay từ cơ sở; củng cố quốc phòng toàn dân gắn với an ninh nhân dân, xây dựng thế trận vững chắc tại khu vực nông thôn.

a) Nội dung 01: Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các nguy cơ tiềm ẩn về an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề phức tạp nảy sinh ngay từ đầu, từ nơi xuất phát và ngay tại cơ sở; đồng thời phải sẵn sàng các phương án để đối phó kịp thời và hiệu quả khi xảy ra tình huống phức tạp theo phương châm “bốn tại chỗ”, hạn chế để hình thành các điểm nóng phức tạp về an ninh, trật tự...; nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự phòng, tự quản, tự vệ, tự hòa giải...; triển khai hiệu quả Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025.

Công an tỉnh Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương thực hiện nghiêm túc, hiệu quả các mặt công tác Công an tham gia thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, đô thị văn minh; phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, gắn liền với các phong trào cách mạng khác, như: Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh”, “Cả tỉnh chung sức xây dựng NTM”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư”...; xây dựng mới, củng cố, nhân rộng 47 loại mô hình tổ chức quần chúng tự quản về ANTT ở cơ sở, tiêu biểu như: Mô hình “Camera an ninh”, “Khu dân cư bình yên, chung sức xây dựng NTM”, “Khu dân cư an toàn về phòng cháy và chữa cháy”, “Tổ liên gia tự quản về ANTT”, “Zalo kết nối bình yên”... Tổ chức nhiều đợt kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai, thực hiện tiêu chí ANTT trong xây dựng NTM, đô thị văn minh, đến nay, có 9/9 huyện đạt tiêu chí ANTT huyện NTM; thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh, thị xã Kỳ Anh đạt tiêu chí ANTT trong quy định thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; 169/169 xã đạt tiêu chí ANTT xã NTM, 69 xã đạt tiêu chí ANTT xã NTM nâng cao, 18 xã đạt tiêu chí ANTT xã NTM kiểu mẫu.

b) Nội dung 02: Xây dựng lực lượng dân quân vững mạnh, rộng khắp, hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng được giao; góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; tích cực xây dựng địa bàn nông thôn vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng trong xây dựng NTM.

Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã chỉ đạo tổ chức triển khai xây dựng lực lượng dân quân theo hướng “vững mạnh, toàn diện, rộng khắp”, thực sự là lực lượng chính trị tin cậy của cấp ủy đảng, chính quyền và Nhân dân địa phương. Lực lượng dân quân ngày càng được nâng cao chất lượng cả về chính trị và quân sự, góp phần xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; lực lượng dân quân toàn tỉnh đã tích cực đóng góp ngày công (hơn 65.000 ngày công), tài sản, hiện vật

trong đỡ đầu, tài trợ xây dựng nông thôn mới và đến nay đã có 169/169 xã hoàn thành tiêu chí Quốc phòng trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn tỉnh.

1.1.11 Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng NTM; truyền thông về xây dựng NTM; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM : Công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình NTM được tăng cường, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong quá trình thực hiện; phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng NTM có sức lan tỏa lớn, thu hút được nguồn lực lớn, góp phần đẩy nhanh tiến độ xây dựng NTM tại các địa phương.

a) Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình, đặc biệt xây dựng hệ thống giám sát thông qua bản đồ số và cơ sở dữ liệu; nhân rộng mô hình giám sát an ninh hiện đại và giám sát của cộng đồng

Việc kiểm tra giám sát đánh giá thực hiện chương trình được thực hiện thường xuyên, Ban chỉ đạo tổ chức kiểm tra tiến độ thực hiện chương trình tại các địa phương, Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) là cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tỉnh giúp Ban Chỉ đạo tỉnh về quản lý, tổng hợp chung các chương trình mục tiêu quốc gia; hàng quý Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chương trình nông thôn mới tỉnh phục vụ các cuộc giao ban tháng, quý của UBND tỉnh, Ban chỉ đạo tỉnh và báo cáo theo yêu cầu của Ban chỉ đạo, Văn phòng Điều phối NTM Trung ương. Các sở ngành theo tiêu chí phụ trách kiểm tra, giám sát đánh giá kết quả thực hiện tiêu chí định kỳ hàng năm và đột xuất, báo cáo về Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường) tổng hợp chung báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo. Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát chuyên đề về cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng khu dân cư mẫu, cơ chế hỗ trợ xi măng; Mặt trận tổ quốc tỉnh và các tổ chức đoàn thể cũng thực hiện giám sát chuyên đề tại một số huyện, giám sát việc đánh giá, công nhận xã, huyện đạt chuẩn nông thôn mới; Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh giám sát kiểm tra kết quả nghiệm thu Khu dân cư NTM kiểu mẫu của cấp huyện; Định kỳ hàng năm và đột xuất, Ban chỉ đạo, UBND tỉnh chỉ đạo các sở ngành tổ chức kiểm tra giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các tiêu chí theo Sở ngành phụ trách.

b) Nội dung 02, nội dung 03: Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở; đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM:

Tổ chức 153 lớp đào tạo cho 5.079 người, với các nghề như: Điện dân dụng, hàn xì, may mặc, chăn nuôi gia súc, gia cầm, nuôi ong, nấu ăn,...; 3480 lớp tập huấn, bồi dưỡng cho cộng đồng và người dân nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, cho 201.216 lượt người tham gia, với các nội dung như: Phổ biến chính

sách khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới nhằm nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới; hướng dẫn thực hiện các Bộ tiêu chí của Trung ương, Bộ tiêu chí thực hiện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, giai đoạn 2022-2025 như: Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí xã nông thôn mới kiểu mẫu; Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao; Bộ tiêu chí xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu; Hướng dẫn thu gom, phân loại, xử lý rác thải, nước thải sinh hoạt; Hướng dẫn thực hiện Gia đình nông thôn mới kiểu mẫu - 5 có; Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình OCOP; giới thiệu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2022-2025 như: các cơ chế chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, sản phẩm OCOP, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn thành lập HTX, tổ khuyến nông, phòng chống thiên tai; Bồi dưỡng kiến thức về phát triển ngành nghề nông thôn; Nâng cao năng lực công tác giảm nghèo cho CB làm công tác giảm nghèo cơ sở; “Gia đình 5 có - NTM kiểu mẫu”, mô hình “nhà sạch vườn đẹp”; cuộc vận động xây dựng “Gia đình 5 không 3 sạch”

Thông qua công tác đào tạo, tập huấn, góp phần nâng cao nhận thức, kiến thức, trình độ chuyên môn, năng lực của đội ngũ cán bộ các cấp và cộng đồng người dân góp phần chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy kinh tế nông nghiệp, sản xuất sản phẩm có giá trị cao, đa dạng theo chuỗi giá trị phù hợp với yêu cầu của thị trường, tích hợp các giá trị văn hóa, xã hội và môi trường vào sản phẩm; phát triển nông nghiệp sinh thái gắn với kinh tế tuần hoàn, vệ sinh an toàn thực phẩm và xây dựng cảnh quan, bảo vệ môi trường nông thôn và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời, công tác tập huấn đã giúp nâng cao chất lượng triển khai các nội dung Chương trình, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các tiêu chí nông thôn mới; chia sẻ những kinh nghiệm quý cách làm hay, nhân rộng những mô hình mới, cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới.

d) Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM

Công tác truyền thông về nông thôn mới được đẩy mạnh, đa dạng hóa hình thức, như Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các cách làm hay, sáng tạo; tổ chức học tập kinh nghiệm đối với các mô hình kinh tế giỏi; kịp thời biểu dương các điển hình tiên tiến, các sáng kiến, kinh nghiệm tốt,... Từ đó, đã nâng cao chất lượng các phong trào như: thi đua xây dựng nông thôn mới, góp phần thực hiện đạt các mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh (nay là Báo Hà Tĩnh) tăng thời lượng phát sóng, giành giờ vàng để tuyên truyền xây dựng nông thôn mới, OCOP; duy trì các chuyên trang, chuyên mục, chuyên đề như: “Nông thôn mới”, “Đến với làng quê kiểu mẫu”, “Câu chuyện OCOP”, “Nông nghiệp - Nông thôn”; duy trì “Khởi nghiệp”; hàng năm phát động Cuộc thi về chủ đề “Chung sức xây dựng NTM” trên Báo Hà Tĩnh; các cơ quan báo chí Trung ương đóng trên địa bàn xây dựng

các chuyên tuyến truyền mô hình tốt, cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới, OCOP; Trang thông tin điện tử nongthonmoi.hatinh.gov.vn thường xuyên đăng tải các tin, bài viết về hoạt động nông thôn mới tại các địa phương cơ sở; cập nhật văn bản chỉ đạo điều hành về xây dựng nông thôn mới, mô hình tốt cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới, qua đó thu hút gần hàng ngàn lượt truy cập/ngày (đến nay đã có gần 102 triệu lượt người truy cập). Ngoài ra, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tăng cường chuyển tải, mở rộng, đa dạng thông tin tuyên truyền về chương trình xây dựng NTM qua nền tảng mạng xã hội do Văn phòng quản lý và phát triển như: Facebook nông thôn mới, youtube nông thôn mới, các nhóm zalo Ban chỉ đạo nông thôn mới Hà Tĩnh, Hệ thống nông thôn mới...qua đó lan tỏa thông tin sâu rộng trong tỉnh, ngoài tỉnh, tăng cường thông tin đến người dân. Các Sở, ngành cấp tỉnh phối hợp với cơ quan truyền thông trong và ngoài tỉnh tuyên truyền cách làm hay trong xây dựng nông thôn mới, OCOP, tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của đơn vị và tuyên truyền dưới nhiều hình thức thông qua Pano áp phích, các lớp đào tạo, tập huấn ở địa phương. Các huyện, thị, thành phố duy trì các chuyên trang, chuyên mục phát sóng trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các bản tin về xây dựng nông thôn mới trên Trang thông tin điện tử cấp huyện và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn...

e) Nội dung 05: Tiếp tục triển khai rộng khắp phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”

Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định chấp thuận, giao cho các tổ chức đơn vị đỡ đầu, tài trợ các thôn, xã xây dựng nông thôn mới; nhiều đơn vị đã triển khai các hoạt động thiết thực như: Tư vấn, giúp đỡ các xã xây dựng kế hoạch, giải pháp thực hiện các nội dung, tiêu chí mình phụ trách, kết nối với các đơn vị, tổ chức liên quan để hướng dẫn tư vấn; lồng ghép, huy động nguồn lực, đóng góp ngày công lao động xây dựng cơ sở hạ tầng, chỉnh trang khu dân cư; tổ chức tập huấn, chuyển giao, tư vấn hướng dẫn xây dựng vườn mẫu, khu dân cư NTM kiểu mẫu, hỗ trợ tham quan học tập, mua sắm trang thiết bị trường học, kêu gọi các doanh nghiệp xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hỗ trợ điện chiếu sáng làng quê, tặng quà cho hộ nghèo;... Các huyện, thành phố, thị xã đều đã tổ chức tốt các hoạt động kêu gọi đỡ đầu, tài trợ, có quyết định giao cho các tổ chức, đơn vị đỡ đầu các xã; huy động nguồn đóng góp của doanh nghiệp, con em xa quê. Tổng kinh phí đỡ đầu, tài trợ xây dựng nông thôn mới từ năm 2021 đến năm 2025 là: 189,536 tỷ đồng.

1.2 Các mô hình tiêu biểu, các cách làm hay, hiệu quả có sức lan tỏa và khả năng nhân rộng: Trên cơ sở đúc kết trong quá trình chỉ đạo, thực hiện xây dựng nông thôn mới và đề xuất của các đơn vị có liên quan, có 4 mô hình điển hình được đúc kết trong quá trình chỉ đạo, thực hiện xây dựng nông thôn mới, gồm: (1). Mô hình “Nhà Văn hóa cộng đồng - Ngôi nhà Trí tuệ” (2). Mô hình Cụm dân cư sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn - văn minh - sáng tạo trong xây dựng nông thôn mới tại huyện Vũ Quang. (3). Hiệu quả công tác tuyên truyền nông thôn mới, OCOP trên sóng Đài Phát thanh và Truyền hình Hà Tĩnh (HTTV). (4). Mô hình phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại hộ trên địa bàn tỉnh *(về nội dung các mô hình chi tiết tại Công văn*

300/VPĐP-HCTHTT ngày 14/9/2023 của Văn phòng Điều phối NTM tỉnh).

1.3 Đối với các chương trình chuyên đề:

1.3.1 Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 130/KH-UBND ngày 17/04/2023 về Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2023-2025.

Hiện nay trên địa bàn tỉnh đang xây dựng 03 mô hình thí điểm du lịch nông thôn, du lịch cộng đồng, cụ thể:

- 01 mô hình du lịch của Trung ương: mô hình du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa và cây trồng bản địa theo hướng phát triển xanh, bền vững tại Thôn Làng Chè, xã Sơn Kim 2, huyện Hương Sơn (đã xây dựng 02 căn nhà gỗ, 01 bể tắm nước khoáng nóng và khu vệ sinh, trồng một số cây bóng mát. Hai dãy lán phục vụ du khách làm chỗ ăn uống sau khi tắm suối). Thời gian tới tiếp tục tạo cảnh quan, xây dựng một số căn nhà phục vụ nhu cầu ăn, nghỉ của du khách, xây dựng điểm checkin, cải tạo, chỉnh trang cảnh quan, thành lập và tổ chức hoạt động hiệu quả CLB Dân ca - Ví giặm Nghệ Tĩnh);

- 02 mô hình du lịch cộng đồng của tỉnh theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững trên địa bàn tỉnh để tổng kết, đánh giá nhân rộng ra toàn tỉnh tại Thôn Hoa Thị, Xã Thọ Điền, huyện Vũ Quang (đã xây dựng nhà đón tiếp cộng đồng, các điểm check in, chòi phục vụ ăn uống, nhà vệ sinh, bãi đậu xe, và thành lập các tổ dịch vụ du lịch,...); Bản Phú Lâm, Xã Phú Gia, huyện Hương Khê (đã hoàn thiện hệ thống nhà chòi, cổng chào vào điểm du lịch, hệ thống điện chiếu sáng, biển chỉ dẫn, san gạt mặt bằng, ghép rọ đá dâng nước bãi tắm, chống sạt lở, hệ thống cây xanh, cây bóng mát, sân khấu biểu diễn văn nghệ và dịch vụ ăn uống, 05 homestay phục vụ khách du lịch). Bước đầu các mô hình này đã thu hút được du khách đến tham quan, trải nghiệm các dịch vụ tại điểm.

- Một số mô hình du lịch cộng đồng của địa phương và cá nhân đang triển khai xây dựng như: mô hình du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững tại xã Đồng Môn, Thành phố Hà Tĩnh (đang xây dựng Đề án); CBT Thịnh Lộc (đang xây dựng hệ thống nhà hàng, khu lưu trú phục vụ khách du lịch).

- Một số điểm du lịch có tính chất du lịch cộng đồng đã thu hút được du khách tham quan, check in, trải nghiệm các dịch vụ như: Điểm du lịch trải nghiệm nông thôn mới xã Xuân Mỹ của HTX Nga Hải, Thôn Trang Liên Nhật (HTX Nông nghiệp và dịch vụ tổng hợp Liên Nhật) tại phường Thạch Hạ (TP Hà Tĩnh), điểm suối Rào Àn (Đội 9 - Khu vực Nước Sốt, xã Sơn Kim 1), Mô hình HTX làm du lịch cộng đồng kết hợp giải trí, ẩm thực, cắm lều trại thôn Hồng Lam, Xuân Giang, Green Eco với các hoạt động trải nghiệm giáo dục, khu sinh thái rừng được Thiên Cầm, mô hình du lịch trải nghiệm tại Làng Đào - Thôn Hưng Thắng - xã Cẩm Hưng gắn với di tích lịch sử - văn hóa Khu lưu niệm Tổng Bí thư Hà Huy Tập...

- Tổ chức khảo sát, đánh giá các loại hình du lịch Hà Tĩnh; đón các đoàn doanh nghiệp du lịch, cơ quan truyền thông với hơn 100 công ty lữ hành của các tỉnh, thành phố khảo sát sản phẩm du lịch nông thôn, tìm hiểu thông tin, quảng

bá, tuyên truyền, giới thiệu về thương hiệu du lịch, mô hình du lịch nông thôn; tổ chức Hội thảo "Định hướng phát triển du lịch nông nghiệp nông thôn bền vững tỉnh Hà Tĩnh"; Hội thảo khoa học: "Phát triển du lịch xanh bền vững tại Hà Tĩnh".

- Thực hiện truyền thông, xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh, xây dựng các chương trình tuyên truyền quảng bá du lịch Hà Tĩnh, các TVC giới thiệu các điểm du lịch nông thôn và phát trên sóng truyền hình, Ra mắt Bản tin du lịch phát sóng trên sóng Truyền hình Hà Tĩnh và các nền tảng số Báo Hà Tĩnh; mở Văn phòng tư vấn tour Du lịch khám phá Hà Tĩnh - khởi hành hàng ngày tại Khu du lịch Thiên Cầm.

1.3.2 Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021-2025

Đến nay, Sở Thông tin và Truyền thông (nay là Sở Khoa học và Công nghệ) đã đánh giá có 10 mô hình thôn thông minh tại 10 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và 02 mô hình xã thông minh (xã Xuân Thành – huyện Nghi Xuân; xã Tùng Ảnh – huyện Đức Thọ) đảm bảo quy định.

Đối với mô hình thí điểm do Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt: mô hình thí điểm "xã thương mại điện tử Kỳ Phú", UBND tỉnh Hà Tĩnh đã có văn bản đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường dừng triển khai mô hình (số 1779/UBND-NL5 ngày 27/3/2025) và đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường đồng ý chấp thuận dừng triển khai mô hình tại Quyết định số 748/QĐ-BNNMT ngày 11/4/2025.

1.3.3 Chương trình Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới:

- Đã thực hiện 08 nhiệm vụ phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm: hành tằm Thiên Lộc, Mai vàng bản địa Kỳ Nam (đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý); dê Hương Sơn; bánh đa nem Hà Tĩnh; gạo Kỳ Anh, gạo rươi Đức Thọ, gạo Cẩm Xuyên, Gà đồi Hương Sơn (đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận); hỗ trợ thiết kế, đăng ký và đăng ký bảo hộ các đối tượng sở hữu công nghiệp trong nước cho 262 nhãn hiệu, 07 kiểu dáng công nghiệp và 01 sáng chế; hỗ trợ 148 cơ sở sản xuất, kinh doanh về xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế cho hoạt động sản xuất kinh doanh; hỗ trợ cho 152 tổ chức, cá nhân xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm, hàng hóa, áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến để nâng cao năng suất, chất lượng; Xây dựng và đưa vào vận hành Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá tỉnh Hà Tĩnh (<https://checkvn.hatinh.gov.vn>).

- Đã tiếp nhận và tổng hợp 13 đề xuất thực hiện nhiệm vụ KHCN xây dựng nông thôn mới theo Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và đã rà soát, tham mưu UBND tỉnh đề xuất thực hiện 03 nhiệm vụ; tham mưu triển khai thực hiện 08 dự án cấp bộ, cấp quốc gia trong giai đoạn và triển khai thực hiện 36 nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh ứng dụng tiến bộ KHCN, công nghệ mới trong lĩnh vực nông nghiệp, góp phần phát triển kinh tế xã hội và xây dựng nông thôn mới.

1.3.4 Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025:

Tiến độ thực hiện đối với mô hình thí điểm do Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt: Mô hình nước sạch thôn Minh Hòa, xã Yên Hòa, huyện Cẩm Xuyên, quá trình triển khai thực hiện phát sinh một số khó khăn, vướng mắc và đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng ý chủ trương dừng triển khai thực hiện tại Quyết định số 3349/QĐ-BNN-VPĐP ngày 03/10/2024.

1.3.5 Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025

Công an tỉnh đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 159/KH-UBND ngày 8/5/2023 về thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 để huy động cả hệ thống chính trị trong thực hiện Chương trình. Giai đoạn vừa qua, lực lượng Công an tỉnh luôn chủ động nắm chắc tình hình, tham mưu kịp thời cho cấp ủy chính quyền địa phương giải quyết vấn đề tại cơ sở, không để xảy ra điểm nóng, nhất là tại địa bàn nông thôn; công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTT được củng cố, phát huy hiệu quả, xây dựng nhân rộng nhiều mô hình điển hình tiên tiến theo hướng xã hội hóa ngày càng cao với nhiều hình thức tự phòng, tự quản, tự bảo vệ, tự hòa giải (đến nay đã xây dựng, nhân rộng 47 loại mô hình với trên 1.000 điểm, trong đó một số mô hình tiêu biểu như: Camera an ninh, Zalo kết nối bình yên, Tổ liên gia tự quản về ANTT, Khu dân cư bình yên chung sức xây dựng NTM, Khu dân cư an toàn về phòng cháy và chữa cháy,...); lực lượng công an xã chính quy được bố trí tại tất cả các xã, phường, thị trấn và ngày càng phát huy được vai trò nòng cốt trong đảm bảo an ninh trật tự, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc tại cơ sở; đến nay có 169/169 xã đạt tiêu chí ANTT trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, 69 xã đạt tiêu chí ANTT trong Bộ tiêu chí xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025, 18 xã đạt tiêu chí ANTT trong Bộ tiêu chí xã NTM kiểu mẫu; 12/12 đơn vị cấp huyện đạt tiêu chí an ninh trật tự trong Bộ tiêu chí huyện đạt chuẩn NTM/thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; 02 huyện đạt tiêu chí ANTT trong Bộ tiêu chí huyện NTM nâng cao.

1.3.6 Chương trình OCOP

Toàn tỉnh đánh giá công nhận 405 sản phẩm OCOP, 248 sản phẩm còn hiệu lực chứng nhận OCOP trong đó: 8 sản phẩm đạt 4 sao, 240 sản phẩm đạt 3 sao.

Đối với mô hình thí điểm: Xây dựng chuỗi liên kết các sản phẩm OCOP từ nhung hươu gắn với phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên, bảo tồn đa dạng sinh học tại xã Sơn Giang, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh”: Ủy ban nhân dân huyện Hương Sơn ban hành Quyết định phê duyệt Kế hoạch thực hiện mô hình (số 5484/QĐ-UBND ngày 17/11/2023). Đến nay, đã hoàn thành công trình đường giao thông vào khu sản xuất thức ăn và khu bảo tồn đa dạng sinh học xã Sơn Giang - Giai đoạn 1. Khởi công công trình đường giao thông vào khu vực sản xuất thức ăn và bảo tồn đa dạng sinh học xã Sơn Giang - Giai đoạn 2; xây dựng nhà xưởng và chuồng trại chăn nuôi hươu; Lựa chọn 21 hộ chăn nuôi hươu đủ điều kiện liên kết theo chuỗi với Hợp tác xã đầu tư và phát triển nhung hươu Hương Sơn; Hoàn thành thiết kế, dự toán Nhà xưởng chế biến sản phẩm nhung hươu.

2. Kết quả thực hiện các mục tiêu xây dựng nông thôn mới

a) Số đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM, trong đó, báo cáo rõ số thành phố, thị xã trực thuộc cấp tỉnh được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; số huyện được công nhận đạt chuẩn NTM; số huyện được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao.

- Về huyện đạt chuẩn NTM: Hiện nay toàn tỉnh có 8/9 huyện đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM (đạt 89%); còn huyện Hương Khê đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM; nâng tổng số huyện đạt chuẩn NTM lên 9/9 huyện (đạt 100%).

- Về thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM: Toàn tỉnh hiện có 2/3 thành phố, thị xã đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đạt 67%); còn thị xã Hồng Lĩnh đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; nâng tổng số thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM lên 3/3 thành phố, thị xã (đạt 100%).

- Về huyện đạt chuẩn NTM nâng cao: 2 huyện Đức Thọ và Nghi Xuân đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện NTM nâng cao.

b) Số xã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM : Đến nay, toàn tỉnh có 169/169 xã đạt chuẩn NTM (đạt 100%), 69/169 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 40,4%), 18 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 10,7%).

c) Kết quả đạt chuẩn NTM cấp thôn, bản: Đến nay toàn tỉnh có 1.233/1.512 thôn đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu (chiếm 81,5%).

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được:

1.1 Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tiếp tục khẳng định vai trò là động lực then chốt thúc đẩy phát triển toàn diện khu vực nông thôn, góp phần chuyển biến rõ nét diện mạo nông thôn và cải thiện đáng kể đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

1.2 Công tác chỉ đạo, điều hành Chương trình có nhiều đổi mới theo hướng trọng tâm, trọng điểm, đi vào chiều sâu; đã ban hành và triển khai đầy đủ, kịp thời các văn bản đề lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chương trình, cụ thể hóa các Văn bản theo quy định của trung ương, ban hành các cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn;

1.3 Đến nay cơ bản hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu nhiệm vụ của chương trình, cụ thể:

- Về tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo Quyết định số 321/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Đến nay mức độ đạt chuẩn như sau: Đến nay cơ bản đạt 8/8 yêu cầu, gồm:

(1) Có Đề án xây dựng NTM toàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2021 - 2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua: Đề án thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020.

(2) Có ít nhất 70% số km đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường: Trên địa bàn tỉnh có 907,58km đường

huyện lộ, tỉnh lộ, quốc lộ được trồng cây xanh dọc tuyến đường/tổng số km có thể trồng 1246,15 km, đạt 73% (đường huyện có 435,15km/537,55 km, đường tỉnh có 192,93 km/230,6 km, quốc lộ có 279,5km/ 478 km).

(3) Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tối thiểu là 4 m²/người hiện nay Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tỉnh trung bình đạt 5,27 m²/người.

(4) Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý (SIPAS) đạt từ 80% trở lên: năm 2024 chỉ số SIPAS của Hà Tĩnh đạt 85,17%, xếp 16/63 tỉnh thành và xếp thứ 3 khu vực Bắc Trung bộ.

(5) Có ít nhất 40% số xã trên địa bàn đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025: Toàn tỉnh hiện có 69/169 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, chiếm 40,8%.

(6) Về huyện đạt chuẩn NTM: Hiện nay toàn tỉnh có 8/9 huyện đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM (đạt 89%); còn huyện Hương Khê đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM; nâng tổng số huyện đạt chuẩn NTM lên 9/9 huyện (đạt 100%).

(7) Về thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM: Toàn tỉnh hiện có 2/3 thành phố, thị xã đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (đạt 67%); còn thị xã Hồng Lĩnh đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; nâng tổng số thành phố, thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM lên 3/3 thành phố, thị xã (đạt 100%).

(8) Về huyện đạt chuẩn NTM nâng cao: 2 huyện Đức Thọ và Nghi Xuân đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện NTM nâng cao.

- Về tỉnh thí điểm đạt chuẩn NTM theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ

+ Về 10 tiêu chí tỉnh thí điểm đạt chuẩn NTM: có 4/10 tiêu chí đạt chuẩn (gồm: Tiêu chí Quy hoạch, Tiêu chí Văn hóa, Tiêu chí An ninh trật tự, an toàn xã hội, Tiêu chí Chỉ đạo, điều phối thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới); 3/10 tiêu chí mức độ đạt từ 70 - 90% (gồm: Tiêu chí Giáo dục và Đào tạo, Tiêu chí Việc làm - Thu nhập - Hộ nghèo, Tiêu chí Dịch vụ hành chính công) và 3/10 tiêu chí mức độ đạt từ 50 - 60% (gồm: Tiêu chí Cơ sở hạ tầng kết nối và thích ứng với biến đổi khí hậu, Tiêu chí Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững, Tiêu chí Môi trường và cảnh quan nông thôn).

+ Về các chỉ tiêu của Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM: Đề án bao gồm 8 nhóm chỉ tiêu chủ yếu; trong thời gian qua cấp ủy, chính quyền các cấp đã quan tâm, tập trung cao chỉ đạo và tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, đạt kết quả khá tích cực, sau hơn 3 năm triển khai thực hiện, đến nay các chỉ tiêu đạt từ 70-90% so với yêu cầu. Tại Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Nghị quyết số 04 –NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xác định việc xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới không khả thi; Hà Tĩnh xác

định mục tiêu phấn đấu được Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2025 và sẽ tập trung cao lãnh đạo, chỉ đạo để phấn đấu đạt mục tiêu này.

1.3 Cơ sở hạ tầng kinh tế xã hội khu vực nông thôn được quan tâm, đầu tư xây dựng, cải thiện điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân, nhất là giao thông; cơ sở vật chất văn hóa, y tế....Kinh tế nông thôn tăng trưởng khá, năng lực, trình độ sản xuất được nâng lên, chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hóa, Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP) được tập trung chỉ đạo và có những thành công bước đầu, tạo sức lan tỏa rộng rãi góp phần nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống người dân. Công tác bảo vệ môi trường ở nông thôn ngày càng được thực hiện tốt hơn, nhất là việc hầu hết các xã, thôn đã triển khai phân loại rác tại hộ gia đình; từng bước thực hiện xử lý nước thải sinh hoạt tại các hộ gia đình và trong Khu dân cư.

1.4 Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM” tiếp tục lan tỏa sâu rộng, khơi dậy vai trò chủ thể của người dân và cộng đồng, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị cơ sở trong tổ chức thực hiện.

2. Tồn tại, hạn chế:

- Công tác tham mưu, quá trình xây dựng Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM chưa lường hóa hết các khó khăn, vướng mắc, các thay đổi của bộ tiêu chí xây dựng NTM trong giai đoạn chuyển tiếp của Chương trình dẫn đến một số mục tiêu, chỉ tiêu đặt ra chưa sát với thực tiễn, bối cảnh mới.

- Công tác lãnh đạo chỉ đạo ở một số sở, ngành, địa phương có thời điểm còn chưa quyết liệt. Tiến độ triển khai thực hiện một số chỉ tiêu về huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới kiểu mẫu còn chậm.

- Các Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với nhiều chỉ tiêu, tiêu chí yêu cầu cao hơn giai đoạn trước nên việc nâng cấp, cập nhật để đảm bảo đạt chuẩn theo yêu cầu mới đối với các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới, NTM nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; cấp huyện đã đạt chuẩn NTM/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới gặp nhiều khó khăn, cần nguồn lực lớn và thời gian thực hiện.

- Việc đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, hợp tác liên kết với doanh nghiệp theo chuỗi giá trị chưa trở thành phổ biến; việc thu hút doanh nghiệp đầu tư các dự án mới vào phát triển sản xuất quy mô lớn, tạo đột phá đẩy mạnh cơ cấu lại ngành nông nghiệp còn gặp khó khăn; năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh nhiều sản phẩm hàng hóa chủ lực mặc dù đã được cải thiện, nhưng vẫn còn thấp, quy mô hàng hóa còn nhỏ; một số chương trình, dự án đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh quy mô lớn phát huy hiệu quả chưa cao, triển khai gặp khó khăn vướng mắc.

- Việc huy động, bố trí các nguồn lực thực hiện Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM gặp nhiều khó khăn, nhất là hỗ trợ từ ngân sách Trung ương. Tiến độ và kết quả thực hiện một số tiêu chí tỉnh NTM đạt được thấp, dự kiến đến năm 2025 có một số tiêu chí không đạt được (*Môi trường, Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng hiện đại, hội nhập và bền vững, Việc làm - Thu nhập - Hộ nghèo...*); việc huy động nguồn lực để triển khai các chương trình/dự án trọng điểm gặp nhiều khó khăn.

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế:

3.1. Nguyên nhân khách quan

- Đại dịch COVID-19 bùng phát, đã ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ và kết quả thực hiện thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM và Nghị quyết.

- Nguồn thu ngân sách các địa phương từ cấp quyền sử dụng đất bị ảnh hưởng lớn do thị trường bất động sản hạ nhiệt trong những năm qua nên việc cân đối, bố trí vốn để đầu tư, nâng cấp một số công trình bị gặp nhiều khó khăn.

- Tổng nhu cầu vốn Ngân sách Trung ương đề xuất để thực hiện Đề án thí điểm xây dựng tỉnh đạt chuẩn NTM là 4.820 tỷ đồng, tuy nhiên mới được phân bổ theo hệ số chung cho các tỉnh là 1.168.366 triệu đồng (chiếm 24%), không bố trí vốn riêng để thực hiện Đề án nên một số nội dung, nhiệm vụ chưa triển khai thực hiện được.

- Các công trình, dự án thực hiện tiêu chí tỉnh nông thôn mới dự kiến thực hiện trong giai đoạn 2021-2025 không thực hiện được do nguồn vốn đầu tư công trung hạn cấp trung ương giai đoạn 2021-2025 đã được phân bổ trước khi xây dựng đề án, do đó việc cân đối kinh phí để thực hiện các công trình dự án rất khó khăn, cần phải chuyển sang giai đoạn 2026-2030.

- Đề án xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới là Đề án thí điểm nên việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí cấp tỉnh, hỗ trợ nguồn lực thực hiện của các Bộ, ngành Trung ương chưa được nhiều.

- Hệ thống văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2021-2025 ban hành chậm, quá trình thực hiện gặp nhiều vướng mắc, bất cập phải điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung; một số chỉ tiêu trong các Bộ tiêu chí NTM phải lùi thời gian áp dụng, điều chỉnh, sửa đổi.

- Giai đoạn 2021 - 2025, Trung ương không có quy định rõ ràng về tổ chức bộ máy của Văn phòng Điều phối các cấp nên khó khăn, lúng túng trong tham mưu tổ chức thực hiện; mô hình tổ chức Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp ở các địa phương trong toàn quốc không thống nhất nên khó lựa chọn mô hình phù hợp để tham mưu áp dụng.

3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao của một số sở, ngành địa phương có thời điểm chưa quyết liệt, chưa chủ động.

- Quá trình thời điểm xây dựng Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới” chưa lường hóa hết được những khó khăn, vướng mắc, thay đổi trong thời điểm chuyển tiếp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giữa giai đoạn 2016-2020 và giai đoạn 2021-2025 nên các chỉ tiêu, tiêu chí đề ra chưa sát và phù hợp thực tế; cùng với trong bối cảnh, Chương trình Khung thực hiện Chương trình và các Bộ tiêu chí xây dựng NTM của Trung ương chưa được ban hành, nên một số nội dung, chỉ tiêu, tiêu chí đặt ra mục tiêu còn cao, chưa phù hợp với yêu cầu, khả năng cân đối nguồn lực giai đoạn 2021-2025, dẫn đến tiêu chí không có khả năng hoàn thành.

- Bộ máy tổ chức Ban Chỉ đạo, hệ thống Văn phòng NTM các cấp, nhất là đối với cấp huyện, xã có thời điểm sau kiện toàn chưa huy động được cả Hệ thống chính trị vào cuộc, gặp một số khó khăn, vướng mắc trong chỉ đạo, điều

phối, nên hiệu lực, hiệu quả điều hành, quản lý, tham mưu thực hiện chưa cao.

- Nguồn ngân sách tỉnh khó khăn mới bố trí khoảng 40%, tổng nhu cầu thực hiện Đề án từ ngân sách tỉnh là 3.752 tỷ đồng. Việc xã hội hóa nguồn lực để thực hiện các tiêu chí gặp nhiều khó khăn.

V. BÀI HỌC KINH NGHIỆM

(1). Có quan điểm đúng đắn, kiên trì trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện; xác định rõ xây dựng nông thôn mới là Chương trình có tác động lớn, toàn diện đến xã hội nông thôn; tỉnh đã huy động cả hệ thống chính trị và toàn xã hội vào cuộc một cách quyết liệt, với phương châm: “Dựa vào dân để lo cuộc sống cho dân”, “Nâng đầu đở cuối, tắt cả cùng tiến bộ, phát triển”, “Dừng lại là rớt chuẩn”, luôn quán triệt phương châm của Ban Chỉ đạo Trung ương “Nông thôn mới có điểm khởi đầu, không có điểm kết thúc”.

(2). Quá trình thực hiện, phải đặc biệt quan tâm công tác tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, nâng cao nhận thức, ý thức của đội ngũ cán bộ, người dân và cộng đồng, tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện. Biết lựa chọn các nội dung trọng tâm, gắn với lợi ích thiết thực của người dân, cộng đồng và kiên trì tổ chức thực hiện; xây dựng mô hình, điển hình tốt, thuyết phục để nhân rộng; phải luôn biết “giữ lửa” cho phong trào xây dựng nông thôn mới.

(3). Có cơ chế, cách làm sáng tạo trong huy động nguồn lực, nhất là nguồn xã hội hóa; Ngân sách nhà nước chủ yếu mang tính hỗ trợ, kích hoạt, thường theo kết quả đầu ra; phân cấp, trao quyền chủ động cho cơ sở, người dân và cộng đồng; tăng cường sinh hoạt, đối thoại, phát huy cao dân chủ cơ sở; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng nguồn lực, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tạo sự tin tưởng của người dân, cộng đồng và toàn xã hội.

(4). Ban Chỉ đạo nông thôn mới phải có đầy đủ các thành viên đại diện các tổ chức trong hệ thống chính trị; bộ máy tham mưu, giúp việc phải chuyên trách, chuyên nghiệp. Cán bộ làm nông thôn mới phải có năng lực, kinh nghiệm, phong cách làm việc tận tụy, hy sinh và luôn biết tìm tòi, sáng tạo; lấy kết quả đầu ra làm thước đo đánh giá, xếp loại tổ chức, cá nhân, phân công, bố trí cán bộ.

(5). Tăng cường kiểm tra, giám sát, đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ khó khăn cho cơ sở; định kỳ đánh giá, chấn chỉnh kịp thời những yếu kém, lệch lạc, kiên quyết thu hồi Bằng công nhận đạt chuẩn nếu để “rớt” chuẩn. Quan tâm đúng mức việc sơ, tổng kết, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân điển hình, tạo phong trào thi đua mạnh mẽ, rộng khắp.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN 2026-2030

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG, ĐỀ XUẤT CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN TỚI

1. Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện có liên quan;

2. Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ Năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 27/02/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

4. Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề "Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030".

5. Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

6. Đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của cả nước giai đoạn 2021-2025

II. BỐI CẢNH, QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ ĐỀ XUẤT MỤC TIÊU PHÂN ĐẦU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN TỚI

1. Bối cảnh, quan điểm chỉ đạo, yêu cầu đặt ra trong xây dựng NTM giai đoạn tới phù hợp với tình hình mới.

1.1 Bối cảnh

a) Thuận lợi

- Các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn tiếp tục được cụ thể hóa và triển khai đồng bộ, nổi bật là Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; Nghị quyết số 42-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới với mục tiêu đến năm 2030; Quyết định số 150/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững...

- Cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, nâng cao hiệu lực quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính và tăng tính chủ động của cấp cơ sở, góp phần đẩy nhanh số hóa, minh bạch hóa và thống nhất chỉ đạo theo hướng hiện đại.

- Phong trào thi đua “*Cả nước chung sức xây dựng NTM*” tạo sự làn toả, đồng thuận sâu rộng trong xã hội, tiếp tục được duy trì. Vai trò chủ thể của người dân, sự vào cuộc của hệ thống chính trị và doanh nghiệp là nguồn lực quan trọng thúc đẩy quá trình thực hiện Chương trình trong bối cảnh hiện nay.

- Kế thừa kinh nghiệm triển khai thực hiện Chương trình của giai đoạn trước.

b) Khó khăn, thách thức

- Xu hướng già hoá dân số tăng nhanh; biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường khu vực nông thôn ngày càng gay gắt, phức tạp.

- Kết quả thực hiện Chương trình NTM chưa đồng đều giữa các vùng miền địa phương.

- Năng lực tổ chức, điều hành và phối hợp thực hiện chương trình NTM ở một số địa phương chưa đồng đều; việc áp dụng công nghệ, chuyển đổi số trong tổ chức thực hiện chương trình còn hạn chế.

- Việc huy động, bố trí nguồn lực thực hiện Chương trình NTM ở một số địa phương gặp khó khăn.

1.2 Quan điểm chỉ đạo

- Bảo đảm phát triển mang tính bao trùm và bền vững, lấy người dân làm trung tâm và chủ thể của quá trình phát triển.

- Phát triển nông thôn theo hướng hiện đại, gắn với quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa; đồng thời thay đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Phát triển phải được thực hiện một cách đồng bộ, bảo đảm sự hài hòa giữa ba trọng tâm: phát triển kinh tế, phát triển văn hóa – xã hội và bảo vệ môi trường; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển hạ tầng kinh tế – xã hội với nâng cao chất lượng đời sống người dân và giữ gìn bản sắc văn hóa nông thôn.

- Tăng cường ứng dụng khoa học – công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và đẩy mạnh chuyển đổi số trong phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng NTM.

- Huy động, phân bổ và sử dụng hợp lý, hiệu quả các nguồn lực, đồng thời kết nối chặt chẽ với các chương trình, dự án, chính sách phát triển khác để tránh trùng lặp, dàn trải, nâng cao hiệu quả tổng thể.

1.3 Yêu cầu đặt ra

Trong giai đoạn mới, sau khi hoàn thành việc sáp nhập các xã, tỉnh và bỏ cấp huyện nên Bộ tiêu chí NTM ở các cấp có sự thay đổi (*bộ tiêu chí tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; Bộ tiêu chí NTM cấp xã*); vì vậy việc ban hành Bộ tiêu chí NTM giai đoạn mới cần phải thỏa mãn các nội dung: (1) Bộ tiêu chí NTM cấp xã phải bao trùm được hầu hết việc phát triển kinh tế xã hội vùng nông thôn của các xã sau sáp nhập (*cơ bản quy mô, dân số, cũng như định hướng phát triển KTXH có sự thay đổi*); bên cạnh đó nội hàm các Bộ tiêu chí phải có bổ sung cụ thể hóa đối với một số chủ trương của Nhà nước trong giai đoạn hiện nay về chuyển đổi số, kinh tế tuần hoàn, thương mại điện tử, đô thị hóa, phát triển kinh tế tư nhân..., đồng thời thích ứng linh hoạt, tăng khả năng chống chịu biến đổi khí hậu cho khu vực nông thôn, nhất là vùng miền núi, ven biển và hải đảo.

Đối với cơ quan chỉ đạo, tham mưu, điều phối thực hiện Chương trình NTM, cần xác định bộ máy thống nhất, rõ vị trí pháp lý để phát huy được tính hiệu quả, hiệu lực trong quản lý, điều hành thực hiện Chương trình (*sau khi bỏ cấp huyện thì đa số các nội dung công việc đều cấp tỉnh triển khai trực tiếp ở xã*).

2. Mục tiêu chung:

Bám sát các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương sát với tình hình

thực tế của tỉnh. Căn cứ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 rà soát triển khai thực hiện phù hợp, hiệu quả, trong đó chú trọng: Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo duy trì, nâng cao chất lượng các nội dung, tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu theo các bộ tiêu chí của Trung ương ban hành; xây dựng nền nông nghiệp phát triển bền vững, hiệu quả, sản xuất hàng hoá, sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp, nông thôn. Nông thôn mới Hà Tĩnh phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, kinh tế nông thôn phát triển, môi trường sống an toàn, lành mạnh, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; tổ chức đảng và hệ thống chính trị ở cơ sở trong sạch, vững mạnh...

3. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026-2030

100% xã đạt chuẩn NTM, ít nhất 60% xã NTM nâng cao, 10% xã NTM hiện đại, tỉnh hoàn thành mục tiêu xây dựng NTM.

4. Định hướng mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện giai đoạn 2031-2035

Tiếp tục tập trung cao thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo hướng hiện đại, bền vững, gắn với quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, nâng cao đời sống người dân và thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn và đô thị.

III. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC VÀ KHẢ NĂNG HUY ĐỘNG NGUỒN LỰC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN TỚI

1. Tổng dự kiến nhu cầu nguồn lực huy động thực hiện xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030:

Tổng nhu cầu các nguồn vốn dự kiến (gồm: ngân sách trung ương, địa phương, lồng ghép các chương trình dự án, vốn doanh nghiệp và huy động cộng đồng) là: 21.199.090 triệu đồng, trong đó:

1.1. Vốn ngân sách trung ương (vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp) hỗ trợ trực tiếp: 2.500.000 triệu đồng.

1.2. Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương các cấp (*tỉnh, xã*): 5.245.670 triệu đồng.

1.3. Vốn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, dự án khác thực hiện trên địa bàn nông thôn: 3.213.096 triệu đồng.

1.4. Các nguồn vốn hợp pháp khác: vốn doanh nghiệp, huy động đóng góp tự nguyện của người dân và cộng đồng...: 10.240.324 triệu đồng.

Ngoài ra, Dự kiến vốn tín dụng theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước (Dự nợ cho vay trên địa bàn các xã đến năm 2030) là 91.945.000 triệu đồng.

2. Đánh giá khả năng cân đối vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp khác:

Hà Tĩnh có nền tảng tốt về tổ chức, chính sách và sự đồng thuận xã hội trong xây dựng nông thôn mới; tỉnh đã chủ động xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai 2026 – 2030 theo đúng quy định của Luật Đầu tư công. Thời gian tới, tỉnh sẽ tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển

nông nghiệp xanh, hữu cơ, thúc đẩy liên kết sản xuất, phát triển dịch vụ nông thôn, tạo nền tảng huy động đa dạng nguồn lực cho xây dựng nông thôn mới bền vững.

IV. ĐỀ XUẤT MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIAI ĐOẠN TỐI

1. Một số giải pháp để tiếp tục nâng cao chất lượng, đảm bảo tính bền vững của Chương trình.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới để nâng cao nhận thức cho người dân;

- Chỉ đạo các xã đã đạt chuẩn tiếp tục duy trì, nâng cấp, đảm bảo đạt chuẩn giai đoạn 2026-2030; chủ động xây dựng kế hoạch xây dựng xã NTM nâng cao, xã NTM hiện đại;

- Phát triển kinh tế nông thôn nâng cao thu nhập cho người dân khu vực nông thôn, nhất là các giải pháp chuyển đổi cơ cấu lao động cho người dân, thúc đẩy triển khai chương trình OCOP gắn với các sản phẩm nông lâm nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc sản của địa phương theo chuỗi giá trị, kết hợp với thu hút đầu tư, phát triển du lịch;

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hạ tầng kinh tế xã hội khu vực nông thôn, nhất là các công trình thiết yếu phục vụ sinh hoạt và sản xuất cho người dân; đầu tư các công trình nước sạch tập trung...

- Quan tâm cao công tác môi trường, tạo cảnh quan xanh sạch đẹp.

- Có cơ chế, chính sách đủ mạnh để xúc tiến, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

- Tiếp tục phát huy vai trò chủ thể của người dân và doanh nghiệp trong quá trình xây dựng NTM.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định; lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu và các dự án đầu tư khác đang triển khai trên địa bàn nông thôn; huy động tối đa các nguồn lực xã hội hóa.

- Tăng cường đào tạo nguồn nhân lực lao động khu vực nông thôn có trình độ, chuyên môn; tập trung nguồn vốn từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực khác để đầu tư vào nông thôn mới;

- Kiện toàn Ban chỉ đạo chương trình các cấp để đảm bảo hiệu quả và trách nhiệm...

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình; chủ động phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm, tiêu cực, lãng phí trong quá trình tổ chức thực hiện.

2. Một số giải pháp về cơ chế phân bổ vốn ngân sách nhà nước, cơ chế đầu tư, cơ chế hỗ trợ và cơ chế lồng ghép các chương trình, dự án khác trên cùng địa bàn để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình; cơ chế đặc thù riêng

- Xây dựng kế hoạch kịp thời phân bổ nguồn vốn được giao theo hướng phân quyền cho cơ sở tự quyết định, quản lý sử dụng vốn hiệu quả, đúng quy định, giải ngân kịp thời. Tiếp tục quan tâm bố trí vốn thực hiện Chương trình MTQG xây

dựng nông thôn mới cho giai đoạn tiếp theo (cao hơn giai đoạn 2021-2025), có sự ưu tiên phân bổ đối với các đơn vị, địa phương phấn đấu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Đẩy mạnh các hình thức xã hội hóa đầu tư, huy động tối đa các nguồn vốn của các tổ chức, doanh nghiệp và nhân dân trong và ngoài tỉnh đầu tư cơ sở hạ tầng; lồng ghép có hiệu quả nguồn vốn đầu tư của các doanh nghiệp, dân cư với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước; huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả, hợp lý nguồn lực theo thứ tự các mục tiêu ưu tiên; quan tâm phát triển các vùng kinh tế động lực tạo nguồn thu cho ngân sách đầu tư cho nông nghiệp nông thôn; ưu tiên nguồn thu từ công nghiệp hỗ trợ, kích hoạt phát triển nông nghiệp, nông thôn, làm cho nông nghiệp thịnh vượng, nông dân giàu có, nông thôn văn minh.

- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh, bổ sung các cơ chế, chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới, khuyến khích phát triển nông thôn theo hướng ưu tiên các nội dung, tiêu chí thiết thực nâng cao đời sống cho các đối tượng cư dân nông thôn, như: Thu hút thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất có liên kết với các chủ thể sản xuất (nhất là công nghiệp chế biến), chính sách về đất đai (tích tụ ruộng đất gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phương thức canh tác; ứng dụng công nghệ cao, phát triển kinh tế hợp tác, trang trại; chuyển dịch cơ cấu lao động; có chính sách đủ mạnh trong việc thu gom, xử lý rác thải và nước thải sinh hoạt...; chủ yếu hỗ trợ mang tính chất kích hoạt, theo kết quả đầu ra tạo động lực mạnh mẽ cho người dân và cộng đồng phát huy vai trò chủ thể, tự giác, chủ động thực hiện; ưu tiên hỗ trợ các huyện, xã, thôn xây dựng đạt chuẩn nâng cao, kiểu mẫu.

3. Đề xuất phương hướng kiện toàn Ban Chỉ đạo; bộ máy, tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo và triển khai thực hiện chương trình ở các cấp trong giai đoạn tới theo hướng chuyên nghiệp, đồng bộ và hiệu quả.

Tiếp tục duy trì Ban Chỉ đạo; bộ máy, tổ chức tham mưu, giúp việc Ban Chỉ đạo và triển khai thực hiện chương trình ở các cấp trong giai đoạn 2026 - 2030 theo hướng kế thừa bộ máy đã được xây dựng giai đoạn 2021 - 2025 đảm bảo đồng bộ, thống nhất về vị trí, chức năng, nhiệm vụ đảm bảo chuyên trách, chuyên nghiệp, ổn định, bền vững nhưng không làm phát sinh tổng biên chế được giao.

4. Phát động phong trào thi đua để huy động các nguồn lực và người dân tham gia thực hiện Chương trình

Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua "Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" và cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh". Tiếp tục vận động xã hội hóa thực hiện Chương trình trên cơ sở phù hợp với sức dân; khơi dậy, phát huy tinh thần tự chủ, tự lực, tự cường của người dân. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng nông thôn mới.

Phần thứ tư **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

1. Đề nghị Trung ương sớm phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

2. Đề nghị Trung ương tiếp tục quan tâm bố trí vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới cho giai đoạn tiếp theo (cao hơn giai đoạn 2021-2025); đồng thời khi xây dựng nguyên tắc tiêu chí phân bổ vốn có sự quan tâm ưu tiên phân bổ đối với các đơn vị, địa phương phấn đấu xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới hiện đại. Có sự ưu tiên đối với các địa phương làm điểm trên các lĩnh vực.

3. Đề nghị Trung ương có phần mềm theo dõi, cập nhật kết quả xây dựng NTM thống nhất trên toàn quốc, tạo thuận lợi trong tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình một cách thường xuyên, có hệ thống.

4. Đề nghị Trung ương quy định hệ thống cơ quan tham mưu, thực hiện Chương trình các cấp (cấp tỉnh, cấp xã)/.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH